

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4
4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2025	5 - 8
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	9
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	10 - 11
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	12 - 32

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Khái quát về Công ty

Công ty là Công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104606490 đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 4 năm 2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 24 ngày 05 tháng 6 năm 2025 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Tầng 8, Tháp C Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội
- Điện thoại : (0243) 5402246
- Fax : (0243) 5402247

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh – Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC	Tầng 2, tòa nhà Sophie Building, số 277B Đỗ Xuân Hợp, phường Phước Long, thành phố Hồ Chí Minh
Kho hàng – Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC	Thôn Thọ Bình, xã Triệu Việt Vương, tỉnh Hưng Yên

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Cung cấp, lắp đặt các thiết bị vui chơi, giải trí cao cấp như: Sân trượt băng nghệ thuật, thủy cung đại dương, công viên nước, bể bơi và hoạt động lắp đặt hệ thống M&E.

Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm
Ông Trần Hữu Đông	Chủ tịch	Ngày 26 tháng 4 năm 2023
Ông Đỗ Huy Cường	Phó Chủ tịch	Ngày 26 tháng 4 năm 2023
Ông Lê Văn Cường	Thành viên	Ngày 26 tháng 4 năm 2023
Ông Trương Thanh Tùng	Thành viên	Ngày 26 tháng 4 năm 2023
Ông Đào Thanh Sơn	Thành viên độc lập	Ngày 26 tháng 4 năm 2023

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Bà Đào Thị Dung	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2023
Bà Hà Thị Linh	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2023
Bà Nguyễn Thị Thúy Lan	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2023

Ban điều hành, quản lý

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Lê Văn Cường	Tổng Giám đốc	Ngày 27 tháng 9 năm 2021
Ông Trương Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 21 tháng 10 năm 2013
Bà Vũ Thị Ngà	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 27 tháng 9 năm 2021
Ông Nguyễn Xuân Trường	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 01 tháng 10 năm 2022
Bà Cao Hải Ngọc	Kế toán trưởng	Ngày 06 tháng 7 năm 2022

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Trần Hữu Đông – Chủ tịch HĐQT, Ông Lê Văn Cường – Tổng Giám đốc và Ông Trương Thanh Tùng – Phó Tổng Giám đốc.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,
Tổng Giám đốc



Lê Văn Cường

Ngày 22 tháng 8 năm 2025

498
CHI N
CÓN
- NH
TOÁN
A 8
TẠI H
ĐA

Số: 2.0512/25/TC-AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 22 tháng 8 năm 2025, từ trang 05 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận kiểm toán

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**Chi nhánh Hà Nội****Lê Văn Khoa – Thành viên Ban Giám đốc****Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1794-2023-008-1****Người được ủy quyền****Hà Nội, ngày 22 tháng 8 năm 2025**

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp C Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		328.711.451.379	247.395.128.337
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	19.519.801.670	27.833.300.172
1. Tiền	111		2.169.304.761	10.021.722.046
2. Các khoản tương đương tiền	112		17.350.496.909	17.811.578.126
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		17.298.834.475	25.278.541.524
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	17.298.834.475	25.278.541.524
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		219.146.754.900	130.062.414.515
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	105.381.233.626	80.994.829.100
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	69.147.561.305	3.023.940.361
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	25.811.578.082	37.006.630.137
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	34.999.396.357	25.440.029.387
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(16.193.014.470)	(16.403.014.470)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		72.492.617.826	63.572.366.588
1. Hàng tồn kho	141	V.8	72.492.617.826	63.572.366.588
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		253.442.508	648.505.538
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		130.387.096	23.706.266
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		123.055.412	582.993.703
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	-	41.805.569
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp C Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		326.927.796.256	324.944.693.962
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		33.000.000	33.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	33.000.000	33.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		23.532.621.201	23.639.402.306
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	23.526.221.185	23.629.802.292
<i>Nguyên giá</i>	222		36.211.392.639	35.570.544.639
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(12.685.171.454)	(11.940.742.347)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	6.400.016	9.600.014
<i>Nguyên giá</i>	228		32.000.000	32.000.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(25.599.984)	(22.399.986)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.11	2.814.624.000	2.814.624.000
<i>Nguyên giá</i>	231		2.814.624.000	2.814.624.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		286.144.486	19.119.854.486
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	286.144.486	19.119.854.486
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2b	300.043.710.000	279.210.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		251.623.710.000	230.790.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		48.420.000.000	48.420.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		217.696.569	127.813.170
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		217.696.569	127.813.170
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		655.639.247.635	572.339.822.299

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp C Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		194.266.026.080	121.997.754.373
I. Nợ ngắn hạn	310		194.266.026.080	121.997.754.373
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	44.087.737.580	36.501.447.873
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	48.416.086.895	41.236.874.147
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	3.587.741.621	5.836.938.266
4. Phải trả người lao động	314		2.306.504.211	3.843.074.445
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	350.059.289	12.193.449.000
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	93.577.638.823	20.018.546.035
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.18	1.940.257.661	2.367.424.607
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp C Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		461.373.221.555	450.342.067.926
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	461.373.221.555	450.342.067.926
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		434.893.340.000	406.448.300.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		434.893.340.000	406.448.300.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(4.490.693.200)	(4.390.693.200)
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		30.970.574.755	48.284.461.126
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		19.839.421.126	48.284.461.126
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		11.131.153.629	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		655.639.247.635	572.339.822.299

Người lập biểu

Nguyễn Thị Bích Thuận

Kế toán trưởng

Cao Hải Ngọc

Lập, ngày 22 tháng 8 năm 2025

Tổng Giám đốc

Lê Văn Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp C Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	160.145.258.861	186.073.742.749
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		160.145.258.861	186.073.742.749
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	136.540.600.284	159.608.268.049
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		23.604.658.577	26.465.474.700
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.060.414.594	552.047.535
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1.224.719.905	195.729.130
Trong đó: chi phí lãi vay	23		1.019.305.634	156.799.231
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	(176.004.434)	(455.026.369)
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	10.021.487.759	10.290.927.383
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		13.594.869.941	16.985.892.091
11. Thu nhập khác	31		476.534.095	76.898.139
12. Chi phí khác	32		121.221.586	160.752.899
13. Lợi nhuận khác	40		355.312.509	(83.854.760)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		13.950.182.450	16.902.037.331
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	2.819.028.821	3.408.526.060
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		11.131.153.629	13.493.511.271
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.7	-	-

Lập, ngày 22 tháng 8 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Bích Thuận

Cao Hải Ngọc

Lê Văn Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp C Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		13.950.182.450	16.902.037.331
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9, 10	747.629.105	910.681.830
- Các khoản dự phòng	03		(637.166.946)	440.179.881
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.3,4	205.414.271	(225.330.102)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(1.056.602.597)	(93.927.359)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	1.019.305.634	156.799.231
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		14.228.761.917	18.090.440.812
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(98.952.631.782)	19.139.162.963
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(8.920.251.238)	30.423.661.280
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		13.974.389.851	(56.891.659.929)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(196.564.229)	(178.456.885)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(888.702.895)	(156.799.231)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.15	(5.799.640.817)	(1.995.561.335)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(86.554.639.193)	8.430.787.675
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(640.848.000)	(5.519.324.440)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(20.723.346.123)	(2.662.324.299)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		39.898.105.227	3.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	V.2	(2.000.000.000)	(25.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		441.585.799	117.410.286
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		16.975.496.903	(30.064.238.453)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp C Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	V.19	(100.000.000)	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.17	97.265.557.923	43.722.267.180
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.17	(23.706.465.135)	(44.162.397.681)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(12.193.449.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		61.265.643.788	(440.130.501)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(8.313.498.502)	(22.073.581.279)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	27.833.300.172	33.058.676.241
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	19.519.801.670	10.985.094.962

Người lập biểu

Nguyễn Thị Bích Thuận

Kế toán trưởng

Cao Hải Ngọc

Lập, ngày 22 tháng 8 năm 2025

Tổng Giám đốc

Lê Văn Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp C Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ xây lắp, kinh doanh bất động sản, thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là cung cấp, lắp đặt các thiết bị vui chơi, giải trí cao cấp như: Sân trượt băng nghệ thuật, thủy cung đại dương, công viên nước, bể bơi và hoạt động lắp đặt hệ thống M&E.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH HVC Hưng Yên	Thôn Thọ Bình, xã Triệu Việt Vương, tỉnh Hưng Yên	Sản xuất sản phẩm bằng kim loại	99%	99%	99%
Công ty Cổ phần Tổng thầu Xây dựng HVC	Tầng 8, tòa tháp C, Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội	Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí	96,67%	96,67%	96,67%
Công ty TNHH Thiết bị vui chơi giải trí HVC Park	Tầng 8, tòa tháp C, Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội	Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí	95%	95%	95%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Du lịch Lakehill	Xóm nước Hang, phường Kỳ Sơn, tỉnh Phú Thọ	Kinh doanh bất động sản, du lịch nghỉ dưỡng	99%	99%	99%
Công ty TNHH Đầu tư HVC và Hồ Gươm Hòa Bình	Xóm nước Hang, phường Kỳ Sơn, tỉnh Phú Thọ	Kinh doanh bất động sản, du lịch nghỉ dưỡng	73,35%	73,35%	73,35%

Công ty liên kết

Công ty chỉ đầu tư vào Công ty Cổ phần Chí Thành có trụ sở chính tại Xóm nước Hang, phường Kỳ Sơn, tỉnh Phú Thọ. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là xây dựng nhà ở. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty liên kết này là 20%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp C Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh – Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC	Tầng 2, tòa nhà Sophie Building, số 277B Đỗ Xuân Hợp, phường Phước Long, thành phố Hồ Chí Minh
Kho hàng – Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC	Thôn Thọ Bình, xã Triệu Việt Vương, tỉnh Hưng Yên
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC tại Hải Phòng (*)	Thôn 4, phường Thủy Sơn, thành phố Thủy Nguyên, Hải Phòng

(*) Theo Nghị quyết số 04/HVC/NQ-HĐQT/2025 ngày 15/01/2025 của Hội đồng quản trị, trong kỳ Công ty đã giải thể hoạt động của Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC tại Hải Phòng. Ngày 28/5/2025, Sở Tài chính Thành phố Hải Phòng đã ban hành Thông báo số 46870/25 về việc chấm dứt hoạt động của Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC tại Hải Phòng.

- Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**
Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.
- Nhân viên**
Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có 119 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 130 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT - BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016, và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.
- Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT - BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp C Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau: Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và chứng chỉ tiền gửi do Ngân hàng phát hành. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp C Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp C Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí công cụ, dụng cụ. Công cụ dụng cụ đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc và thiết bị	03 - 07
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp C Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm quản lý dự án, chi phí liên quan đến phần mềm quản lý dự án không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm quản lý dự án là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

10. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không được trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi giảm nguyên giá và tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp C Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

13. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty là Dự phòng chi phí bảo hành công trình xây dựng được lập cho từng loại công trình xây dựng có cam kết bảo hành. Cụ thể, các công trình có tỷ trọng hàng hóa chiếm dưới 75%, nhân công lắp đặt và vật tư phụ chiếm từ 25% trở lên thì Công ty tiến hành trích lập dự phòng bảo hành theo tỷ lệ cam kết bảo hành tại từng hợp đồng, nhưng không vượt quá 5% tổng giá trị hợp đồng.

Tăng, giảm số dự phòng bảo hành công trình xây dựng cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí bán hàng.

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp C Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

17. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy: Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện; doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp C Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp C Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	575.733.903	9.236.059
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.593.570.858	10.012.485.987
Các khoản tương đương tiền (<i>Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng</i>)	17.350.496.909	17.811.578.126
Cộng	19.519.801.670	27.833.300.172

2. Các khoản đầu tư tài chính**2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau đây có giá gốc bằng giá trị ghi sổ:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền gửi có kỳ hạn ⁽ⁱ⁾	2.200.000.000	2.200.000.000
Chứng chỉ tiền gửi ⁽ⁱⁱ⁾	15.098.834.475	23.078.541.524
Cộng	17.298.834.475	25.278.541.524

(i) Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt nam với lãi suất 4,4%/năm. Khoản tiền gửi được dùng để đảm bảo cho việc phát hành thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam.

(ii) Chứng chỉ tiền gửi Bảo Lộc do Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam phát hành, lãi suất 4,4%.

2b. Đầu tư vào Công ty con, công ty liên kết

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	251.623.710.000	-	230.790.000.000	-
Công ty TNHH HVC Hưng Yên	59.400.000.000	-	59.400.000.000	-
Công ty Cổ phần Tổng thầu Xây dựng HVC	29.000.000.000	-	27.000.000.000	-
Công ty TNHH Thiết bị Vui chơi giải trí HVC Park	28.500.000.000	-	28.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Du lịch Lakehill	10.890.000.000	-	10.890.000.000	-
Công ty TNHH Đầu tư HVC và Hồ Gươm Hòa Bình	123.833.710.000	-	105.000.000.000	-
Đầu tư vào công ty liên kết	48.420.000.000	-	48.420.000.000	-
Công ty Cổ phần Chí Thành	48.420.000.000	-	48.420.000.000	-
Cộng	300.043.710.000	-	279.210.000.000	-

Số lượng cổ phần/phần vốn góp nắm giữ và tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các Đơn vị như sau:

Tên Công ty	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số cổ phần/ phần vốn góp	Tỷ lệ sở hữu	Số cổ phần/ phần vốn góp	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH HVC Hưng Yên	59,4 tỷ VND	99,00%	59,4 tỷ VND	99,00%
Công ty Cổ phần Tổng thầu Xây dựng HVC	29 tỷ VND	96,67%	27 tỷ VND	90,00%
Công ty TNHH Thiết bị Vui chơi giải trí HVC Park	28,5 tỷ VND	95,00%	28,5 tỷ VND	95,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp C Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Công ty Cổ phần Đầu tư và Du lịch Lakehill	1.089.000 cổ phần	99,00%	1.089.000 cổ phần	99,00%
Công ty TNHH Đầu tư HVC và Hồ Gươm Hòa Bình	123,8 tỷ VND	73,35%	105 tỷ VND	70,00%
Công ty Cổ phần Chí Thành	2.400.000 cổ phần	20,00%	2.400.000 cổ phần	20,00%

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của các công ty con

- Công ty TNHH HVC Hưng Yên, Công ty Cổ phần Tổng thầu Xây dựng HVC và Công ty TNHH Thiết bị vui chơi giải trí HVC Park: Hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.
- Các đơn vị khác đang trong giai đoạn đầu tư chưa đi vào hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Công ty không phát sinh trích lập/(hoàn nhập) dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác trong kỳ.

Giao dịch với các công ty con, công ty liên kết

Xem Thuyết minh VII.1.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	4.361.774.085	1.110.547.945
Công ty TNHH Thiết bị vui chơi giải trí HVC Park	4.361.774.085	-
Công ty TNHH Đầu tư HVC và Hồ Gươm Hòa Bình	-	1.110.547.945
Phải thu các khách hàng khác	101.019.459.541	79.884.281.155
Công ty Cổ phần Vinhomes - Chi nhánh Hưng Yên	7.554.719.817	21.396.804.442
Công ty Cổ phần Phát triển Địa ốc Cienco5	9.600.000.000	9.600.000.000
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ CNC	13.201.295.800	-
Công ty TNHH Xây dựng Cát Hải	1.569.206.695	14.063.860.576
Công ty Cổ phần Hóa chất, Thiết bị và Giải pháp cho Ngành Công nghiệp	12.160.565.627	-
Công ty Cổ phần CNC Tech Global	14.736.866.453	-
Các khách hàng khác	42.196.805.149	34.823.616.137
Cộng	105.381.233.626	80.994.829.100

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Đầu tư Sông Thao	52.769.541.250	-
Công ty Cổ phần Mặt trời Hà Nam	12.494.653.881	-
Công ty Cổ phần Cid Việt Nam	346.000.000	346.000.000
Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel	-	537.553.462
Công ty TNHH Kiến trúc và Xây dựng Quốc tế Baleine	486.275.200	486.275.200
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hikaru	304.586.700	304.586.700
Các nhà cung cấp khác	2.746.504.274	1.349.524.999
Cộng	69.147.561.305	3.023.940.361

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp C Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**5. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	17.704.947.945	28.900.000.000
Công ty TNHH Đầu tư HVC và Hồ Gươm Hòa Bình ⁽ⁱ⁾	17.704.947.945	28.900.000.000
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	8.106.630.137	8.106.630.137
Ông Nguyễn Việt Thắng ⁽ⁱⁱ⁾	8.106.630.137	8.106.630.137
Cộng	25.811.578.082	37.006.630.137

(i) Các hợp đồng cho Công ty con vay với thời hạn 12 tháng, lãi suất 7%-7,54%/năm.

(ii) Khoản cho Ông Nguyễn Việt Thắng vay theo hợp đồng ngày 15 tháng 02 năm 2023. Ngày 02/10/2023 Công ty ký hợp đồng mua lại 10% phần vốn góp tại Công ty TNHH Sông Thao của ông Nguyễn Việt Thắng với giá trị chuyển nhượng là 11.106.630.137 VND. Khoản cho vay sẽ được bù trừ với số tiền chuyển nhượng phải trả Ông Nguyễn Việt Thắng khi thủ tục chuyển nhượng hoàn tất. Tuy nhiên, do chưa hoàn thiện xong đầy đủ thủ tục chuyển nhượng nên ông Nguyễn Việt Thắng tạm trả lại một phần khoản vay (3.000.000.000 VND) và sẽ tiếp tục trả lại đủ khoản vay trên nếu không hoàn thành xong thủ tục chuyển nhượng. Khoản cho vay có tài sản đảm bảo.

6. Phải thu khác**6a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	1.061.987.371	-	296.128.768	-
Công ty TNHH Đầu tư HVC và Hồ Gươm Hòa Bình - Lãi cho vay	1.061.987.371	-	296.128.768	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	33.937.408.986	-	25.143.900.619	-
Tạm ứng	-	-	8.151.650	-
Ký cược, ký quỹ	13.562.862.045	-	4.624.185.223	-
Công ty Cổ phần Novareal ⁽ⁱ⁾	20.338.999.164	-	20.338.999.164	-
Lãi dự thu tiền gửi	21.547.777	-	172.389.582	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	14.000.000	-	175.000	-
Cộng	34.999.396.357	-	25.440.029.387	-

(i) Đặt cọc theo văn bản thỏa thuận ngày 28/3/2023, Công ty đặt cọc để ký kết hợp đồng khi Chủ đầu tư Dự án “Khu nhà ở diện tích 4,2777 ha, tại Phường Thạnh Mỹ Lợi thành phố Thủ Đức” (nay là phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh) đủ điều kiện bán Bất động sản.

6b. Phải thu dài hạn khác

Là khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Phát triển Địa ốc Cienco 5	9.600.000.000	(9.600.000.000)	9.600.000.000	(9.600.000.000)
Công ty TNHH Delta - Valley Bình Thuận	8.118.447.924	(4.059.223.962)	8.118.447.924	(4.059.223.962)
Công ty Cổ phần Du lịch Mỹ An	750.144.045	(537.675.284)	1.050.144.045	(747.675.284)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp C Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Phát triển Địa ốc Cienco 5	9.600.000.000	(9.600.000.000)	9.600.000.000	(9.600.000.000)
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	1.996.115.224	(1.996.115.224)	1.996.115.224	(1.996.115.224)
Cộng	20.464.707.193	(16.193.014.470)	20.764.707.193	(16.403.014.470)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	16.403.014.470	13.934.346.550
Trích lập/(Hoàn nhập dự phòng)	(210.000.000)	1.007.050.000
Số cuối kỳ	16.193.014.470	14.941.396.550

8. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	55.136.611.679	-	53.547.310.378	-
Hàng hóa	17.356.006.147	-	10.025.056.210	-
Cộng	72.492.617.826	-	63.572.366.588	-

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	29.311.291.829	1.268.572.137	4.863.680.673	127.000.000	35.570.544.639
Mua trong kỳ	-	-	640.848.000	-	640.848.000
Số cuối kỳ	29.311.291.829	1.268.572.137	5.504.528.673	127.000.000	36.211.392.639
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	2.641.569.411	312.675.200	1.942.491.582	127.000.000	5.023.736.193
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	8.259.193.328	632.809.462	2.921.739.557	127.000.000	11.940.742.347
Khấu hao trong kỳ	452.953.144	76.794.864	214.681.099	-	744.429.107
Số cuối kỳ	8.712.146.472	709.604.326	3.136.420.656	127.000.000	12.685.171.454
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	21.052.098.501	635.762.675	1.941.941.116	-	23.629.802.292
Số cuối kỳ	20.599.145.357	558.967.811	2.368.108.017	-	23.526.221.185
Trong đó:					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 19.780.014.127 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng (xem thuyết minh V.17).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp C Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**10. Tài sản cố định vô hình**

Là chương trình phần mềm quản trị doanh nghiệp.

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	32.000.000	22.399.986	9.600.014
Khấu hao trong kỳ	-	3.199.998	(3.199.998)
Số cuối kỳ	32.000.000	25.599.984	6.400.016
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

11. Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá

Là giá trị quyền sử dụng đất tại phường Bách Quang, tỉnh Thái Nguyên.

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa có điều kiện để thực hiện.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Là chi phí để thực hiện Dự án Khu biệt thự nhà vườn, trồng rừng kết hợp du lịch sinh thái tại Xã Mông Hóa, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Hòa Bình (nay là phường Kỳ Sơn, tỉnh Phú Thọ).

Ủy ban Nhân dân tỉnh Hòa Bình (cũ) đã ban hành quyết định số 15/QĐ-UBND ngày 15/5/2024 về việc chấp thuận liên danh Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC và Công ty Cổ phần Tập đoàn Hồ Gươm là Nhà đầu tư thực hiện Dự án, doanh nghiệp thực hiện Dự án là Công ty TNHH Đầu tư HVC và Hồ Gươm Hòa Bình.

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	19.119.854.486	111.640.868.449
Chi phí phát sinh trong kỳ	-	3.793.467.387
Góp vốn vào Công ty con (Hồ Gươm Hòa Bình)	(18.833.710.000)	-
Số cuối kỳ	286.144.486	115.434.335.836

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	6.446.665.335	-
Công ty TNHH HVC Hưng Yên	6.446.665.335	-
Phải trả các nhà cung cấp khác	37.641.072.245	36.501.447.873
Công ty Cổ phần Bateco Việt Nam	11.922.113.475	-
Công ty Cổ phần Ademax	9.036.396.325	5.151.845.600
Yixing Sea Fountain Equipment Co.,Ltd	4.697.245.408	8.142.974.971
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Gia Vinh	1.406.542.690	3.441.514.320
Các nhà cung cấp khác	10.578.774.347	19.765.112.982
Cộng	44.087.737.580	36.501.447.873

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp C Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng SCG	9.869.383.667	9.869.383.667
Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Vạn Phúc	7.266.166.287	7.266.166.287
Công ty TNHH Xây dựng Công nghiệp Olympia	11.938.253.246	-
Công ty TNHH Kỹ thuật Xây dựng Đồng Phong	5.590.531.572	17.486.560.585
Các khách hàng khác	13.751.752.123	6.614.763.608
Cộng	48.416.086.895	41.236.874.147

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	41.805.569	801.244.681	-	759.439.112
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	461.196.630	(461.196.630)	-
Thuế nhập khẩu	-	-	88.714.404	(88.714.404)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.799.640.817	-	2.819.028.821	(5.799.640.817)	2.819.028.821
Thuế thu nhập cá nhân	37.297.449	-	806.492.232	(834.515.993)	9.273.688
Lệ phí môn bài	-	-	5.000.000	(5.000.000)	-
Cộng	5.836.938.266	41.805.569	4.981.676.768	(7.189.067.844)	3.587.741.621

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 8% và 10%.

Thuế nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	13.950.182.450	16.902.037.331
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	144.961.656	140.592.970
- Các khoản điều chỉnh tăng	144.961.656	140.592.970
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế	14.095.144.106	17.042.630.301
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	2.819.028.821	3.408.526.060

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp C Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**16. Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>130.602.739</i>	<i>-</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Du lịch Lakehill - Lãi vay phải trả	73.835.616	-
Công ty TNHH HVC Hưng Yên - Lãi vay phải trả	56.767.123	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>219.456.550</i>	<i>12.193.449.000</i>
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	219.456.550	-
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	-	12.193.449.000
Cộng	350.059.289	12.193.449.000

17. Vay ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Vay ngắn hạn các bên liên quan ⁽ⁱ⁾</i>	<i>9.000.000.000</i>	<i>-</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Du lịch Lakehill	5.000.000.000	-
Công ty TNHH HVC Hưng Yên	4.000.000.000	-
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng ⁽ⁱⁱ⁾</i>	<i>84.577.638.823</i>	<i>20.018.546.035</i>
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - Hợp đồng hạn mức chiết khấu	84.577.638.823	20.018.546.035
Cộng	93.577.638.823	20.018.546.035

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

- (i) Khoản vay các bên liên quan với thời hạn 12 tháng, lãi suất 7%/năm. Mục đích để tài trợ các nhu cầu thanh toán hợp pháp hợp lý phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam theo Hợp đồng cấp hạn mức chiết khấu hối phiếu đòi nợ ngày 25/02/2025, với giá trị hạn mức chiết khấu là 250.000.000.000 VND. Thời hạn sử dụng hạn mức chiết khấu là 12 tháng (từ ngày 25/02/2025 đến ngày 25/02/2026). Mức lãi suất chiết khấu được quy định cụ thể trên từng đề nghị chiết khấu và do các khách hàng của Công ty chi trả. Thời hạn khoản chiết khấu được quy định cụ thể trong đề nghị chiết khấu và tối đa bằng thời hạn thanh toán còn lại của Hối phiếu đòi nợ nhưng không vượt quá 365 ngày cơ sở.

Khoản vay Ngân hàng được đảm bảo bằng các hợp đồng thế chấp tài sản của Công ty (xem thuyết minh V.9).

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay các bên liên quan	-	9.000.000.000	-	9.000.000.000
Vay ngân hàng	20.018.546.035	88.265.557.923	(23.706.465.135)	84.577.638.823
Cộng	20.018.546.035	97.265.557.923	(23.706.465.135)	93.577.638.823

18. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến dự phòng chi phí bảo hành công trình xây dựng. Chi tiết phát sinh như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	2.367.424.607	5.516.675.600
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(427.166.946)	(566.870.119)
Số cuối kỳ	1.940.257.661	4.949.805.481

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp C Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

19. Vốn chủ sở hữu

19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	406.448.300.000	(4.390.693.200)	38.487.126.534	440.544.733.334
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	13.493.511.271	13.493.511.271
Số dư cuối kỳ trước	406.448.300.000	(4.390.693.200)	51.980.637.805	454.038.244.605
Số dư đầu năm nay	406.448.300.000	(4.390.693.200)	48.284.461.126	450.342.067.926
Chia cổ tức bằng cổ phiếu (*)	28.445.040.000	-	(28.445.040.000)	-
Chi phí phát hành cổ phiếu trả cổ tức	-	(100.000.000)	-	(100.000.000)
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	11.131.153.629	11.131.153.629
Số dư cuối kỳ này	434.893.340.000	(4.490.693.200)	30.970.574.755	461.373.221.555

(*) Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/2025/HVC/NQ-ĐHĐCĐTN ngày 22/4/2025, Công ty đã phát hành 2.844.504 cổ phiếu để trả cổ tức năm 2024. Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh đã chấp thuận niêm yết bổ sung số cổ phiếu nêu trên kể từ ngày 12/6/2025.

19b. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	43.489.334	40.644.830
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	43.489.334	40.644.830
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	43.489.334	40.644.830
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.		

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	31.133.858.224	16.545.649.718
Doanh thu thi công lắp đặt công trình	128.655.400.637	169.432.093.031
Doanh thu cung cấp dịch vụ	356.000.000	96.000.000
Cộng	160.145.258.861	186.073.742.749

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Xem Thuyết minh VII.1.

2. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	29.170.786.270	14.029.825.470
Giá vốn thi công lắp đặt công trình	107.369.814.014	145.578.442.579
Cộng	136.540.600.284	159.608.268.049

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp C Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	3.811.997	3.714.184
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	194.582.100	93.927.359
Lãi tiền cho vay	765.858.603	-
Lãi đầu tư chứng chỉ tiền gửi	96.161.894	
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	229.075.890
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	225.330.102
Cộng	1.060.414.594	552.047.535

4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	1.019.305.634	156.799.231
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	38.929.899
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	205.414.271	-
Cộng	1.224.719.905	195.729.130

5. Chi phí bán hàng

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	(427.166.946)	(566.870.119)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	149.181.612	98.383.750
Các chi phí khác	101.980.900	13.460.000
Cộng	(176.004.434)	(455.026.369)

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	7.515.983.260	6.353.391.666
Chi phí đồ dùng văn phòng	115.359.405	102.154.336
Chi phí khấu hao tài sản cố định	593.925.401	756.978.126
Thuế, phí và lệ phí	5.000.000	6.000.000
Dự phòng/ (Hoàn nhập dự phòng) phải thu khó đòi	(210.000.000)	1.007.050.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.048.878.275	691.286.625
Các chi phí khác	952.341.418	1.374.066.630
Cộng	10.021.487.759	10.290.927.383

7. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp C Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	101.547.727.822	101.704.909.585
Chi phí nhân công	15.162.113.925	17.407.265.721
Chi phí khấu hao tài sản cố định	747.629.105	910.681.830
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.344.888.574	7.211.495.472
Chi phí khác	436.782.720	3.739.047.615
Cộng	122.239.142.146	130.973.400.223

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Các giao dịch không bằng tiền

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Góp vốn vào Công ty con bằng tài sản	18.833.710.000	-

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các thành viên Ban điều hành (Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch và công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng, cung cấp dịch vụ và không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Giao dịch khác trong kỳ chỉ có giao dịch về mua xe của Ông Đỗ Huy Cường với số tiền là 640.848.000 VND (cùng kỳ năm trước không có giao dịch phát sinh).

Cam kết bảo lãnh

Thành viên Ban Điều hành dùng quyền sử dụng đất thuộc sở hữu của mình để đảm bảo cho các cho vay của Công ty với Ông Nguyễn Việt Thắng (xem thuyết minh số V.5).

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

		Tiền lương	Thù lao năm trước	Cộng thu nhập
Kỳ này				
Ông Trần Hữu Đông	Chủ tịch HĐQT	-	90.000.000	90.000.000
Ông Đỗ Huy Cường	Phó Chủ tịch HĐQT	279.550.000	45.000.000	324.550.000
Ông Lê Văn Cường	Thành viên HĐQT/ TGD	279.550.000	45.000.000	324.550.000
Ông Trương Thanh Tùng	Thành viên HĐQT/ Phó TGD	289.860.000	45.000.000	334.860.000
Ông Đào Thanh Sơn	Thành viên HĐQT độc lập	-	45.000.000	45.000.000
Bà Vũ Thị Ngà	Phó TGD	289.860.000	-	289.860.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp C Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

		Tiền lương	Thù lao năm trước	Cộng thu nhập
Ông Nguyễn Xuân Trường	Phó TGD	237.856.700	-	237.856.700
Bà Đào Thị Dung	Trưởng BKS	-	45.000.000	45.000.000
Bà Hà Thị Linh	Thành viên BKS	-	22.500.000	22.500.000
Bà Nguyễn Thị Thúy Lan	Thành viên BKS	-	22.500.000	22.500.000
Bà Cao Hải Ngọc	Kế toán trưởng	154.160.975	-	154.160.975
Cộng		1.530.837.675	360.000.000	1.890.837.675
Kỳ trước				
Ông Trần Hữu Đông	Chủ tịch HĐQT	-	-	-
Ông Đỗ Huy Cường	Phó Chủ tịch HĐQT	236.575.000	-	236.575.000
Ông Đào Thanh Sơn	Thành viên HĐQT độc lập	-	-	-
Ông Lê Văn Cường	Thành viên HĐQT/ TGD	236.575.000	-	236.575.000
Ông Trương Thanh Tùng	Thành viên HĐQT/ Phó TGD	222.432.500	-	222.432.500
Bà Vũ Thị Ngà	Phó TGD	224.943.047	-	224.943.047
Ông Nguyễn Xuân Trường	Phó TGD	228.023.330	-	228.023.330
Bà Đào Thị Dung	Trưởng BKS	-	-	-
Bà Hà Thị Linh	Thành viên BKS	-	-	-
Bà Nguyễn Thị Thúy Lan	Thành viên BKS	-	-	-
Bà Cao Hải Ngọc	Kế toán trưởng	138.464.858	-	138.464.858
Cộng		1.287.013.735	-	1.287.013.735

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH HVC Hưng Yên	Công ty con
Công ty Cổ phần Tổng thầu Xây dựng HVC	Công ty con
Công ty TNHH Thiết bị vui chơi giải trí HVC Park	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư và Du lịch Lakehill	Công ty con
Công ty TNHH Đầu tư HVC và Hồ Gươm Hòa Bình	Công ty con
Công ty Cổ phần Chí Thành	Công ty liên kết

Giao dịch với các bên liên quan khác

Công ty phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH HVC Hưng Yên		
Doanh thu bán hàng hóa	-	290.000.000
Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ	5.722.001.060	8.103.716.700
Chi phí thuê kho của Công ty con	120.000.000	120.000.000
Vay Công ty con	4.000.000.000	-
Lãi vay	56.767.123	-
Công ty Cổ phần Tổng thầu Xây dựng HVC		
Doanh thu bán hàng hóa	-	15.625.000
Doanh thu cho thuê văn phòng	36.000.000	36.000.000
Doanh thu cho thuê máy móc	200.000.000	-
Vay Công ty con thời hạn 01 tháng	-	18.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp C Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Thiết bị Vui chơi giải trí HVC Park		
Doanh thu bán hàng hóa	6.646.779.766	8.840.120.753
Doanh thu cho thuê văn phòng	120.000.000	120.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Du lịch Lakehill		
Vay Công ty con	5.000.000.000	-
Lãi vay	73.835.616	-
Công ty TNHH Đầu tư HVC và Hồ Gươm Hòa Bình		
Góp vốn bằng tiền	-	25.000.000.000
Góp vốn bằng tài sản	18.833.710.000	-
Cho Công ty con vay	2.000.000.000	-
Lãi cho vay	765.858.603	-

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thị trường. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5, V.6, V.13 V.16 và V.17.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là cung cấp, lắp đặt các thiết bị vui chơi, giải trí cao cấp, được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về hàng hóa/dịch vụ mà Công ty cung cấp hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định Công ty chỉ có 01 bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và 01 bộ phận theo khu vực địa lý và Công ty không cần phải trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Lập, ngày 22 tháng 8 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Bích Thuận

Cao Hải Ngọc

Lê Văn Cường



INTERIM FINANCIAL STATEMENTS

FOR THE FIRST 6 MONTHS OF THE FINANCIAL YEAR

ENDED DECEMBER 31, 2025

**HVC INVESTMENT AND TECHNOLOGY
JOINT STOCK COMPANY**



TABLE OF CONTENTS

	Page
1. Table of contents	1
2. Report of the Board of General Directors	2 - 3
3. Review Report on Interim Financial Information as of June 30, 2025	4
4. Interim Balance Sheet as of June 30, 2025	5 - 8
5. Interim Income Statement for the first 6 months of the financial year ended December 31, 2025	9
6. Interim Cash Flow Statement for the first 6 months of the financial year ended December 31, 2025	10 - 11
7. Notes to the Interim Financial Statements for the first 6 months of the financial year ended December 31, 2025	12 - 32

REPORT OF THE BOARD OF GENERAL DIRECTORS

The Board of General Directors of HVC Investment and Technology Joint Stock Company (hereinafter referred to as the “Company”) presents its report together with the Interim Financial Statements for the first 6 months of the financial year ended December 31, 2025.

Company Overview

The Company is a joint stock company operating under the Business Registration Certificate No. 0104606490, first registered on April 23, 2010 and registered for the 24th change on June 5, 2025, issued by the Hanoi Authority for Planning and Investment.

Head office

- Address : 8th Floor, Tower C Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu, Ha Dong Ward, Hanoi City
- Tel : (0243) 5402246
- Fax : (0243) 5402247

The Company has the following affiliated units:

Unit name	Address
Ho Chi Minh City Branch - HVC Investment and Technology Joint Stock Company	2 nd Floor, Sophie Building, No. 277B Do Xuan Hop, Phuoc Long Ward, Ho Chi Minh City
Warehouse - HVC Investment and Technology Joint Stock Company	Tho Binh Village, Trieu Viet Vuong Commune, Hung Yen Province

The principal business activities of the Company are: Provision and installation of high-end amusement and recreational equipment such as: Ice skating rinks, ocean aquariums, water parks, swimming pools and installation of M&E systems.

Board of Directors, Supervisory Board and Executive Board

Members of the Board of Directors, Supervisory Board and Executive Board of the Company during the period and up to the date of this report include:

Board of Directors

Full name	Position	Date of reappointment
Mr. Tran Huu Dong	Chairman	April 26, 2023
Mr. Do Huy Cuong	Vice Chairman	April 26, 2023
Mr. Le Van Cuong	Member	April 26, 2023
Mr. Truong Thanh Tung	Member	April 26, 2023
Mr. Dao Thanh Son	Independent Member	April 26, 2023

Supervisory Board

Full name	Position	Date of appointment/reappointment
Ms. Dao Thi Dung	Head of Board	Reappointed on April 26, 2023
Ms. Ha Thi Linh	Member	Reappointed on April 26, 2023
Ms. Nguyen Thi Thuy Lan	Member	Appointed on April 26, 2023

Executive Board

Full name	Position	Date of appointment
Mr. Le Van Cuong	General Director	September 27, 2021
Mr. Truong Thanh Tung	Deputy General Director	October 21, 2013
Ms. Vu Thi Nga	Deputy General Director	September 27, 2021
Mr. Nguyen Xuan Truong	Deputy General Director	October 01, 2022
Ms. Cao Hai Ngoc	Chief Accountant	July 06, 2022

Legal Representative

The legal representatives of the Company during the period and up to the date of this report are Mr. Tran Huu Dong - Chairman of the Board of Directors, Mr. Le Van Cuong - General Director and Mr. Truong Thanh Tung - Deputy General Director.

Auditor

A&C Auditing and Consulting Company Limited has been appointed to review the Company's Interim Financial Statements for the first 6 months of the financial year ended December 31, 2025.

Responsibilities of the Board of General Directors

The Board of General Directors is responsible for the preparation of the Interim Financial Statements that give a true and fair view of the financial position, results of operations and cash flows of the Company for the period. In preparing these Interim Financial Statements, the Board of General Directors is required to:

- Select appropriate accounting policies and then apply them consistently;
- Make reasonable and prudent judgments and estimates;
- State whether applicable accounting standards have been complied with, and any material departures from these standards have been disclosed and explained in the Interim Financial Statements;
- Prepare the Interim Financial Statements on a going concern basis unless it is inappropriate to presume that the Company will continue in operation;
- Establish and maintain an effective internal control system for the purpose of minimizing the risk of material misstatement in the preparation and presentation of the Interim Financial Statements, whether due to fraud or error.

The Board of General Directors is responsible for ensuring that proper accounting records are kept which disclose, with reasonable accuracy at any time, the financial position of the Company and that the accounting records comply with the applicable accounting system. The Board of General Directors is also responsible for safeguarding the assets of the Company and, hence, for taking reasonable steps for the prevention and detection of fraud and other irregularities.

The Board of General Directors confirms that it has complied with the above requirements in the preparation of the Interim Financial Statements.

Approval of the Financial Statements

The Board of General Directors hereby approves the accompanying Interim Financial Statements. The Interim Financial Statements give a true and fair view of the Company's financial position as of June 30, 2025, as well as the results of operations and cash flows for the first 6 months of the financial year ended December 31, 2025, in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Enterprise Accounting System and the legal regulations related to the preparation and presentation of the Interim Financial Statements.

On behalf of the Board of General Directors,

General Director

(Signed and Sealed)

HVC INVESTMENT AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY Enterprise code: 0104606490
--

Le Van Cuong

August 22, 2025

A&C Auditing and Consulting Co., Ltd.

Head Office: 02 Truong Son St., Ward 2, Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam

Branch in Ha Noi: 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City, Vietnam

Branch in Nha Trang: Lot STH 06A.01, St. No.13, Le Hong Phong II Urban Area, Phuoc Hai Ward, Nha Trang City, Vietnam

Branch in Can Tho: 15-13 Vo Nguyen Giap St., Cai Rang Dist, Can Tho City, Vietnam

Tel: +84 (028) 3547 2972

Tel: +84 (024) 3736 7879

Tel: +84 (0292) 376 4995

kttv@a-c.com.vn

kttv.hn@a-c.com.vn

kttv.nt@a-c.com.vn

kttv.ct@a-c.com.vn



No.: 2.0512/25/TC-AC

REVIEW REPORT ON INTERIM FINANCIAL INFORMATION

To: SHAREHOLDERS, BOARD OF DIRECTORS AND BOARD OF GENERAL DIRECTORS OF HVC INVESTMENT AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

We have reviewed the accompanying Interim Financial Statements of HVC Investment and Technology Joint Stock Company (hereinafter referred to as the "Company"), prepared on August 22, 2025, from page 05 to page 32, including the Interim Balance Sheet as of June 30, 2025, the Interim Income Statement, the Interim Cash Flow Statement for the first 6 month of the financial year ended December 31, 2025 and the Notes to the Interim Financial Statements.

Responsibilities of the Board of General Directors

The Board of General Directors of the Company is responsible for the preparation and fair presentation of the Company's Interim Financial Statements in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Enterprise Accounting System and legal regulations related to the preparation and presentation of the Interim Financial Statements, and for such internal control as the Board of General Directors determines necessary to enable the preparation and fair presentation of the Interim Financial Statements that are free from material misstatement, whether due to fraud or error.

Responsibilities of Auditors

Our responsibility is to express a conclusion on these Interim Financial Statements based on our review. We conducted our review in accordance with Vietnamese Accounting Standards. We conducted our review in accordance with Vietnamese Standard on Review Service Contract No. 2410 – Review of interim financial information performed by the independent auditor of the entity.

A review of interim financial information consists primarily of making inquiries, mainly of persons responsible for financial and accounting matters, and applying analytical and other review procedures. A review is substantially narrower in scope than an audit conducted in accordance with Vietnamese Standards on Auditing and consequently does not enable us to obtain assurance that we would become aware of all significant matters that might be identified in an audit. Accordingly, we do not express an audit opinion.

Audit conclusion

Based on our review, nothing has come to our attention that causes us to believe that the accompanying Interim Financial Statements do not give a true and fair view, in all material respects, of the financial position of the Company as of June 30, 2025, as well as the results of operations and cash flows for the first 6 months of the financial year ended December 31, 2025, in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Enterprise Accounting System and the legal regulations related to the preparation and presentation of the Interim Financial Statements.

A&C Auditing and Consulting Company Limited

Hanoi Branch

BRANCH OF A&C AUDITING AND CONSULTING
COMPANY LIMITED IN HANOI

Branch code: 0300449815-002 – LLC – DONG DA DIST. –
HANOI CITY

Le Van Khoa – Member of the Board of Directors

Auditing Practice Registration Certificate No.: 1794-2023-008-1

Authorized Person

Hanoi, August 22, 2025

HVC INVESTMENT AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANYAddress: 8th Floor, Tower C Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu, Ha Dong Ward, Hanoi City**INTERIM FINANCIAL STATEMENTS**

For the first 6 months of the financial year ended December 31, 2025

INTERIM BALANCE SHEET(In full form)
As of June 30, 2025

Unit: VND

ASSETS		Code	Note	Ending balance	Beginning balance
A -	CURRENT ASSETS	100		328,711,451,379	247,395,128,337
I.	Cash and cash equivalents	110	V.1	19,519,801,670	27,833,300,172
1.	Cash	111		2,169,304,761	10,021,722,046
2.	Cash equivalents	112		17,350,496,909	17,811,578,126
II.	Short-term financial investments	120		17,298,834,475	25,278,541,524
1.	Trading securities	121		-	-
2.	Provision for devaluation of trading securities	122		-	-
3.	Held-to-maturity investments	123	V.2a	17,298,834,475	25,278,541,524
III.	Short-term receivables	130		219,146,754,900	130,062,414,515
1.	Short-term trade receivables	131	V.3	105,381,233,626	80,994,829,100
2.	Short-term prepayments to suppliers	132	V.4	69,147,561,305	3,023,940,361
3.	Short-term intercompany receivables	133		-	-
4.	Receivables according to the progress of construction contracts	134		-	-
5.	Short-term loan receivables	135	V.5	25,811,578,082	37,006,630,137
6.	Other short-term receivables	136	V.6a	34,999,396,357	25,440,029,387
7.	Provision for doubtful short-term receivables	137	V.7	(16,193,014,470)	(16,403,014,470)
8.	Shortage of assets awaiting resolution	139		-	-
IV.	Inventories	140		72,492,617,826	63,572,366,588
1.	Inventories	141	V.8	72,492,617,826	63,572,366,588
2.	Provision for devaluation of inventories	149		-	-
V.	Other current assets	150		253,442,508	648,505,538
1.	Short-term prepaid expenses	151		130,387,096	23,706,266
2.	Deductible value-added tax	152		123,055,412	582,993,703
3.	Taxes and other receivables from the State budget	153	V.15	-	41,805,569
4.	Government bond resale transactions	154		-	-
5.	Other current assets	155		-	-

HVC INVESTMENT AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANYAddress: 8th Floor, Tower C Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu, Ha Dong Ward, Hanoi City**INTERIM FINANCIAL STATEMENTS**

For the first 6 months of the financial year ended December 31, 2025

Interim Balance Sheet (continued)

	ASSETS	Code	Note	Ending balance	Beginning balance
B -	NON-CURRENT ASSETS	200		326,927,796,256	324,944,693,962
I.	Long-term receivables	210		33,000,000	33,000,000
1.	Long-term trade receivables	211		-	-
2.	Long-term prepayments to suppliers	212		-	-
3.	Operating capital in affiliated units	213		-	-
4.	Long-term intercompany receivables	214		-	-
5.	Long-term loans receivable	215		-	-
6.	Other long-term receivables	216	V.6b	33,000,000	33,000,000
7.	Provision for doubtful long-term receivables	219		-	-
II.	Fixed assets	220		23,532,621,201	23,639,402,306
1.	Tangible fixed assets	221	V.9	23,526,221,185	23,629,802,292
	<i>Historical cost</i>	222		36,211,392,639	35,570,544,639
	<i>Accumulated depreciation</i>	223		(12,685,171,454)	(11,940,742,347)
2.	Finance lease assets	224		-	-
	<i>Historical cost</i>	225		-	-
	<i>Accumulated depreciation</i>	226		-	-
3.	Intangible fixed assets	227	V.10	6,400,016	9,600,014
	<i>Historical cost</i>	228		32,000,000	32,000,000
	<i>Accumulated depreciation</i>	229		(25,599,984)	(22,399,986)
III.	Investment properties	230	V.11	2,814,624,000	2,814,624,000
	Historical cost	231		2,814,624,000	2,814,624,000
	Accumulated depreciation	232		-	-
IV.	Long-term work in progress	240		286,144,486	19,119,854,486
1.	Long-term work in progress	241		-	-
2.	Construction in progress	242	V.12	286,144,486	19,119,854,486
V.	Long-term financial investments	250	V.2b	300,043,710,000	279,210,000,000
1.	Investments in subsidiaries	251		251,623,710,000	230,790,000,000
2.	Investments in joint ventures and associates	252		48,420,000,000	48,420,000,000
3.	Equity investments in other entities	253		-	-
4.	Provision for long-term financial investments	254		-	-
5.	Held-to-maturity investments	255		-	-
VI.	Other non-current assets	260		217,696,569	127,813,170
1.	Long-term prepaid expenses	261		217,696,569	127,813,170
2.	Deferred income tax assets	262		-	-
3.	Long-term spare parts, supplies, and equipment	263		-	-
4.	Other non-current assets	268		-	-
	TOTAL ASSETS	270		655,639,247,635	572,339,822,299

HVC INVESTMENT AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANYAddress: 8th Floor, Tower C Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu, Ha Dong Ward, Hanoi City**INTERIM FINANCIAL STATEMENTS**

For the first 6 months of the financial year ended December 31, 2025

Interim Balance Sheet (continued)

FUNDS	Code	Note	Ending balance	Beginning balance
C - LIABILITIES	300		194,266,026,080	121,997,754,373
I. Current liabilities	310		194,266,026,080	121,997,754,373
1. Short-term trade payables	311	V.13	44,087,737,580	36,501,447,873
2. Short-term advances from customers	312	V.14	48,416,086,895	41,236,874,147
3. Taxes and other payables to the State budget	313	V.15	3,587,741,621	5,836,938,266
4. Payables to employees	314		2,306,504,211	3,843,074,445
5. Short-term accrued expenses	315		-	-
6. Short-term intercompany payables	316		-	-
7. Payables according to the progress of construction contracts	317		-	-
8. Short-term unearned revenue	318		-	-
9. Other short-term payables	319	V.16	350,059,289	12,193,449,000
10. Short-term borrowings and finance lease liabilities	320	V.17	93,577,638,823	20,018,546,035
11. Short-term provisions for payables	321	V.18	1,940,257,661	2,367,424,607
12. Bonus and welfare fund	322		-	-
13. Price stabilization fund	323		-	-
14. Government bond resale transactions	324		-	-
II. Non-current liabilities	330		-	-
1. Long-term trade payables	331		-	-
2. Long-term advances from customers	332		-	-
3. Long-term accrued expenses	333		-	-
4. Intercompany payables for operating capital	334		-	-
5. Long-term intercompany payables	335		-	-
6. Long-term unearned revenue	336		-	-
7. Other long-term payables	337		-	-
8. Long-term borrowings and finance lease liabilities	338		-	-
9. Convertible bonds	339		-	-
10. Preferred shares	340		-	-
11. Deferred income tax liabilities	341		-	-
12. Long-term provisions for payables	342		-	-
13. Science and technology development fund	343		-	-

HVC INVESTMENT AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANYAddress: 8th Floor, Tower C Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu, Ha Dong Ward, Hanoi City**INTERIM FINANCIAL STATEMENTS**

For the first 6 months of the financial year ended December 31, 2025

Interim Balance Sheet (continued)

FUNDS	Code	Note	Ending balance	Beginning balance
D - OWNERS' EQUITY	400		461,373,221,555	450,342,067,926
I. Owners' equity	410	V,19	461,373,221,555	450,342,067,926
1. Owner's contributed capital	411		434,893,340,000	406,448,300,000
- Common shares with voting rights	411a		434,893,340,000	406,448,300,000
- Preferred shares	411b		-	-
2. Share premium	412		(4,490,693,200)	(4,390,693,200)
3. Convertible bond option	413		-	-
4. Other owners' equity	414		-	-
5. Treasury shares	415		-	-
6. Asset revaluation surplus	416		-	-
7. Foreign exchange differences	417		-	-
8. Development investment fund	418		-	-
9. Enterprise reorganization support fund	419		-	-
10. Other funds under owners' equity	420		-	-
11. Undistributed profit after tax	421		30,970,574,755	48,284,461,126
- Accumulated undistributed profit after tax as of prior period-end	421a		19,839,421,126	48,284,461,126
- Undistributed profit after tax for the current period	421b		11,131,153,629	-
12. Capital for construction investment	422		-	-
II. Funds and other sources	430		-	-
1. Funds	431		-	-
2. Funds used for acquisition of fixed assets	432		-	-
TOTAL FUNDS	440		655,639,247,635	572,339,822,299

Prepared by
(Signed and full name)Chief Accountant
(Signed and full name)Prepared on August 22, 2025
General Director
(Signed and Sealed)HVC INVESTMENT AND
TECHNOLOGY JOINT STOCK
COMPANY
Enterprise code: 0104606490

Nguyen Thi Bich Thuan

Cao Hai Ngoc

Le Van Cuong

HVC INVESTMENT AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANYAddress: 8th Floor, Tower C Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu, Ha Dong Ward, Hanoi City**INTERIM FINANCIAL STATEMENTS**

For the first 6 months of the financial year ended December 31, 2025

INTERIM INCOME STATEMENT

(In full form)

For the first 6 months of the financial year ended December 31, 2025

Unit: VND

Cumulative from the beginning of the
year to the end of this period

ITEMS	Code	Note	Current year	Previous year
1. Revenue from sale of goods and provision of services	01	VI.1	160,145,258,861	186,073,742,749
2. Revenue deductions	02		-	-
3. Net revenue from sale of goods and provision of services	10		160,145,258,861	186,073,742,749
4. Cost of goods sold	11	VI.2	136,540,600,284	159,608,268,049
5. Gross profit from sale of goods and provision of services	20		23,604,658,577	26,465,474,700
6. Financial income	21	VI.3	1,060,414,594	552,047,535
7. Financial expenses	22	VI.4	1,224,719,905	195,729,130
Of which: interest expense	23		1,019,305,634	156,799,231
8. Selling expenses	25	VI.5	(176,004,434)	(455,026,369)
9. General and administrative expenses	26	VI.6	10,021,487,759	10,290,927,383
10. Net profit from operating activities	30		13,594,869,941	16,985,892,091
11. Other income	31		476,534,095	76,898,139
12. Other expenses	32		121,221,586	160,752,899
13. Other profit	40		355,312,509	(83,854,760)
14. Total accounting profit before tax	50		13,950,182,450	16,902,037,331
15. Current corporate income tax expense	51	V.15	2,819,028,821	3,408,526,060
16. Deferred corporate income tax expense	52		-	-
17. Profit after corporate income tax	60		11,131,153,629	13,493,511,271
18. Basic earnings per share	70	VI.7	-	-
19. Diluted earnings per share	71	VI.7	-	-

Prepared on August 22, 2025

Prepared by
(Signed and full name)Chief Accountant
(Signed and full name)General Director
(Signed and Sealed)HVC INVESTMENT AND
TECHNOLOGY JOINT STOCK
COMPANY
Enterprise code: 0104606490_____
Nguyen Thi Bich Thuan_____
Cao Hai Ngoc_____
Le Van Cuong

HVC INVESTMENT AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANYAddress: 8th Floor, Tower C Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu, Ha Dong Ward, Hanoi City**INTERIM FINANCIAL STATEMENTS**

For the first 6 months of the financial year ended December 31, 2025

INTERIM CASH FLOW STATEMENT

(In full form)

(According to indirect method)

For the first 6 months of the financial year ended December 31, 2025

Unit: VND

Cumulative from the beginning of the
year to the end of this period

ITEMS	Code	Note	Current year	Previous year
I. Cash flows from operating activities				
1. Profit before tax	01		13,950,182,450	16,902,037,331
2. Adjustments for:				
- Depreciation of fixed assets and investment properties	02	V.9, 10	747,629,105	910,681,830
- Provisions	03		(637,166,946)	440,179,881
- Gains and losses from foreign exchange differences on revaluation of monetary items denominated in foreign currencies	04	VI.3,4	205,414,271	(225,330,102)
- Gains and losses from investing activities	05	VI,3	(1,056,602,597)	(93,927,359)
- Interest expenses	06	VI,4	1,019,305,634	156,799,231
- Other adjustments	07		-	-
3. Operating profit before changes in working capital	08		14,228,761,917	18,090,440,812
- Increase or decrease in receivables	09		(98,952,631,782)	19,139,162,963
- Increase or decrease in inventories	10		(8,920,251,238)	30,423,661,280
- Increase or decrease in payables	11		13,974,389,851	(56,891,659,929)
- Increase or decrease in prepaid expenses	12		(196,564,229)	(178,456,885)
- Increase or decrease in trading securities	13		-	-
- Interest paid	14		(888,702,895)	(156,799,231)
- Corporate income tax paid	15	V.15	(5,799,640,817)	(1,995,561,335)
- Other receipts from operating activities	16		-	-
- Other payments for operating activities	17		-	-
Net cash flows from operating activities	20		(86,554,639,193)	8,430,787,675
II. Cash flows from investing activities				
1. Payments for purchases and construction of fixed assets and other long-term assets	21		(640,848,000)	(5,519,324,440)
2. Proceeds from disposals of fixed assets and other long-term assets	22		-	-
3. Payments for loans granted and purchases of debt instruments of other entities	23		(20,723,346,123)	(2,662,324,299)
4. Proceeds from loan recoveries and sale of debt instruments of other entities	24		39,898,105,227	3,000,000,000
5. Payments for capital contributions to other entities	25	V.2	(2,000,000,000)	(25,000,000,000)
6. Proceeds from capital withdrawals from other entities	26		-	-
7. Interest, dividends and profits received	27		441,585,799	117,410,286
Net cash flows from investing activities	30		16,975,496,903	(30,064,238,453)

HVC INVESTMENT AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANYAddress: 8th Floor, Tower C Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu, Ha Dong Ward, Hanoi City**INTERIM FINANCIAL STATEMENTS**

For the first 6 months of the financial year ended December 31, 2025

Interim Cash Flow Statement (continued)

ITEMS	Code	Note	Cumulative from the beginning of the year to the end of this period	
			Current year	Previous year
III. Cash flows from financing activities				
1. Proceeds from issuance of shares and capital contributions from owners	31	V.19	(100,000,000)	
2. Payments to repurchase shares issued, return capital contributions to owners	32		-	
3. Proceeds from borrowings	33	V.17	97,265,557,923	43,722,267,180
4. Repayments of borrowings	34	V.17	(23,706,465,135)	(44,162,397,681)
5. Payments of principal on finance leases	35		-	-
6. Dividends and profits paid to owners	36		(12,193,449,000)	-
<i>Net cash flows from financing activities</i>	<i>40</i>		<i>61,265,643,788</i>	<i>(440,130,501)</i>
Net cash flow for the period	50		(8,313,498,502)	(22,073,581,279)
Cash and cash equivalents at the beginning of the year	60	V.1	27,833,300,172	33,058,676,241
Effect of exchange rate fluctuations on foreign currency translations	61		-	-
Cash and cash equivalents at the end of the period	70	V.1	19,519,801,670	10,985,094,962

Prepared by
(Signed and full name)

Nguyen Thi Bich Thuan

Chief Accountant
(Signed and full name)

Cao Hai Ngoc

Prepared on August 22, 2025

General Director
(Signed and Sealed)

HVC INVESTMENT AND
TECHNOLOGY JOINT STOCK
COMPANY
Enterprise code: 0104606490

Le Van Cuong

HVC INVESTMENT AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANYAddress: 8th Floor, Tower C Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu, Ha Dong Ward, Hanoi City**INTERIM FINANCIAL STATEMENTS**

For the first 6 months of the financial year ended December 31, 2025

NOTES TO THE INTERIM FINANCIAL STATEMENTS**For the first 6 months of the financial year ended December 31, 2025****I. OPERATING CHARACTERISTICS****1. Form of capital ownership**

HVC Investment and Technology Joint Stock Company (hereinafter referred to as the “Company”) is a joint stock company.

2. Business fields

The Company's business fields are construction and installation services, real estate business and trading.

3. Business lines

The Company's principal business activities are provision and installation of high-end amusement and recreational equipment such as: Ice skating rinks, ocean aquariums, water parks, swimming pools and installation of M&E systems.

4. Normal production and business cycle

The Company's normal production and business cycle does not exceed 12 months.

5. Company structure***Subsidiaries***

Company name	Head office address	Principal business activities	Percentage of ownership	Percentage of interest	Percentage of voting rights
HVC Hung Yen Company Limited	Tho Binh Village, Trieu Viet Vuong Commune, Hung Yen Province	Manufacture of metal products	99%	99%	99%
HVC Construction General Contractor Joint Stock Company	8 th Floor, Tower C, Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu, Ha Dong Ward, Hanoi City	Installation of water supply and drainage systems, heating and air conditioning systems	96.67%	96.67%	96.67%
HVC Park Entertainment Equipment Company Limited	8 th Floor, Tower C, Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu, Ha Dong Ward, Hanoi City	Installation of water supply and drainage systems, heating and air conditioning systems	95%	95%	95%
Lakehill Investment and Tourism Joint Stock Company	Nuoc Hang Hamlet, Ky Son Ward, Phu Tho Province	Real estate business, resort tourism	99%	99%	99%
HVC Investment and Ho Guom Hoa Binh Company Limited	Nuoc Hang Hamlet, Ky Son Ward, Phu Tho Province	Real estate business, resort tourism	73.35%	73.35%	73.35%

Associates

The Company has only invested in Chi Thanh Joint Stock Company, headquartered in Nuoc Hang Hamlet, Ky Son Ward, Phu Tho Province. The principal business activity of this associate is Housing construction. At the end of the accounting period, the Company's capital contribution percentage in this associate is 20%, the percentage of voting rights and ownership are equivalent to the capital contribution percentage.

HVC INVESTMENT AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Address: 8th Floor, Tower C Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu, Ha Dong Ward, Hanoi City

INTERIM FINANCIAL STATEMENTS

For the first 6 months of the financial year ended December 31, 2025

Notes to the Interim Financial Statements (continued)**Affiliated units without legal status for dependent accounting**

Unit name	Address
Ho Chi Minh City Branch - HVC Investment and Technology Joint Stock Company	2 nd Floor, Sophie Building, No. 277B Do Xuan Hop, Phuoc Long Ward, Ho Chi Minh City
Warehouse - HVC Investment and Technology Joint Stock Company	Tho Binh Village, Trieu Viet Vuong Commune, Hung Yen Province
Branch of HVC Investment and Technology Joint Stock Company in Hai Phong (*)	Village 4, Thuy Son Ward, Thuy Nguyen City, Hai Phong

(*) Pursuant to Resolution No. 04/HVC/NQ-HDQT/2025 dated January 15, 2025 by the Board of Directors, during the period the Company dissolved the operation of the Branch of HVC Investment and Technology Joint Stock Company in Hai Phong. On May 28, 2025, the Department of Finance of Hai Phong City issued Notification No. 46870/25 regarding the termination of operations of the Branch of HVC Investment and Technology Joint Stock Company in Hai Phong.

6. Statement of comparability of information in the Financial Statements

The corresponding figures of the previous period are comparable to the figures of the current period.

7. Employees

At the end of the accounting period, the Company had 119 employees (Quantity at the beginning of the year was 130 employees).

II. FINANCIAL YEAR, CURRENCY USED IN ACCOUNTING**1. Financial year**

The Company's financial year begins on January 1 and ends on December 31 each year.

2. Accounting currency

The accounting currency is Vietnamese Dong (VND) because most transactions are conducted in VND.

III. APPLICABLE ACCOUNTING STANDARDS AND SYSTEM**1. Applicable accounting system**

The Company applies Vietnam Accounting Standards and Vietnam Enterprise Accounting System promulgated under Circular No. 200/2014/TT-BTC dated December 22, 2014, Circular No. 53/2016/TT-BTC dated March 21, 2016, and other circulars guiding the implementation of accounting standards of the Ministry of Finance in the preparation and presentation of the Interim Financial Statements.

2. Statement on compliance with accounting standards and system

The Board of General Directors ensures that it has complied with the requirements of Vietnam Accounting Standards, Vietnam Enterprise Accounting System promulgated under Circular No. 200/2014/TT-BTC dated December 22, 2014, Circular No. 53/2016/TT-BTC dated March 21, 2016, and other circulars guiding the implementation of accounting standards of the Ministry of Finance in the preparation and presentation of the Interim Financial Statements.

HVC INVESTMENT AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Address: 8th Floor, Tower C Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu, Ha Dong Ward, Hanoi City

INTERIM FINANCIAL STATEMENTS

For the first 6 months of the financial year ended December 31, 2025

Notes to the Interim Financial Statements (continued)

IV. APPLICABLE ACCOUNTING POLICIES

1. Basis for preparation of Financial Statements

The Interim Financial Statements are prepared on the basis of accrual accounting (except for information related to cash flows).

2. Foreign currency transactions

Transactions arising in foreign currencies are translated at the exchange rates prevailing at the transaction dates. Monetary items denominated in foreign currencies at the end of the accounting period are retranslated at the exchange rates prevailing at that date. Foreign exchange differences arising during the period from foreign currency transactions are recognized in financial income or financial expenses. Foreign exchange differences from the revaluation of monetary items denominated in foreign currencies at the end of the accounting period, after offsetting gains and losses, are recognized in financial income or financial expenses.

The exchange rate used for converting foreign currency transactions is the actual transaction exchange rate at the transaction date. The actual transaction exchange rate for foreign currency transactions is determined as follows:

- For foreign exchange sales contracts (spot contracts, forward contracts, futures contracts, options contracts, swap contracts): the exchange rate signed in the foreign currency sales contract between the Company and the Bank.
- For payables: the selling rate of foreign currency of the commercial bank where the Company expects to conduct the transaction at the transaction date.

The exchange rate used to revalue monetary items denominated in foreign currencies at the end of the accounting period is determined as follows: For monetary items classified as liabilities: the selling rate of foreign currency of the Bank with which the Company frequently transacts.

3. Cash and cash equivalents

Cash includes cash on hand and demand deposits at banks. Cash equivalents are short-term investments with a maturity of not more than 3 months from the date of investment, readily convertible into a known amount of cash, and subject to an insignificant risk of changes in value at the reporting date.

4. Financial investments

Held-to-maturity investments

Investments are classified as held-to-maturity when the Company has the intention and ability to hold them to maturity. Held-to-maturity investments include term deposits at banks and certificates of deposit issued by the Bank. Interest income from held-to-maturity investments after the acquisition date is recognized in the Income Statement on an accrual basis.

Loans

Loans are measured at cost less provisions for doubtful debts. Provision for doubtful debts of loans is made based on the expected level of loss that may occur.

Investments in subsidiaries and associates

Subsidiaries

A subsidiary is an entity that is controlled by the Company. Control is achieved when the Company has the power to govern the financial and operating policies of the investee to obtain economic benefits from its activities.

HVC INVESTMENT AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Address: 8th Floor, Tower C Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu, Ha Dong Ward, Hanoi City

INTERIM FINANCIAL STATEMENTS

For the first 6 months of the financial year ended December 31, 2025

Notes to the Interim Financial Statements (continued)

Associates

An associate is an entity over which the Company has significant influence but not control over its financial and operating policies. Significant influence is the power to participate in the financial and operating policy decisions of the investee but is not control over those policies.

Initial recognition

Investments in subsidiaries and associates are initially recognized at cost, including the purchase price or capital contribution and any directly attributable investment costs. In cases where investments are made in non-monetary assets, the cost of the investment is recorded at the fair value of the non-monetary assets at the time of the transaction.

Dividends and profits earned for periods prior to the acquisition date are accounted for as a deduction from the cost of the investment. Dividends and profits earned for periods after the acquisition date are recognized as revenue. Stock dividends received are only monitored in terms of the increased number of shares, with no recognition of the value of the received shares.

Provision for impairment of investments in subsidiaries and associates

Provisions for impairment of investments in subsidiaries and associates are made when the subsidiaries or associates incur losses, with the provision amount determined as the difference between the actual investment value of the parties in the subsidiaries or associates and their actual owner's equity, multiplied by the Company's actual percentage of charter capital contributed to the subsidiaries or associates. In cases where the subsidiaries or associates prepare a Consolidated Financial Statements, such Consolidated Financial Statements serve as the basis for determining the impairment provision.

Any increase or decrease in the provision for impairment of investments in subsidiaries and associates at the end of the accounting period is recognized in financial expenses.

5. Receivables

Receivables are presented at their carrying amounts less provision for doubtful debts.

The classification of receivables into trade receivables and other receivables is based on the following principles:

- Trade receivables represent commercial receivables arising from purchase and sale transactions between the Company and independent buyers.
- Other receivables represent non-commercial receivables that are not related to purchase and sale transactions.

Provision for doubtful debts is established for each doubtful receivable after offsetting with payable amounts (if any). The provision is based on the aging of overdue debts or estimated possible losses, specifically as follows:

- For overdue receivables:
 - 30% of the outstanding balance for receivables overdue from over 6 months to less than 1 year.
 - 50% of the outstanding balance for receivables overdue from 1 year to less than 2 years.
 - 70% of the outstanding balance for receivables overdue from 2 years to less than 3 years.
 - 100% of the outstanding balance for receivables overdue from 3 years and over.
- For receivables not yet overdue but likely irrecoverable: provision is based on the estimated loss.

Any increase or decrease in the provision for doubtful debts that needs to be recognized at the end of the accounting period is recorded in general and administrative expenses.

HVC INVESTMENT AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Address: 8th Floor, Tower C Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu, Ha Dong Ward, Hanoi City

INTERIM FINANCIAL STATEMENTS

For the first 6 months of the financial year ended December 31, 2025

Notes to the Interim Financial Statements (continued)

6. Inventories

Inventories are stated at the lower of cost and net realizable value.

Cost of inventories is determined as follows:

- Goods: comprises purchase costs and directly attributable expenses incurred to bring the inventories to their current location and condition.
- Work-in-progress: includes direct material costs, direct labor costs, and other directly related expenses.

Cost of inventories issued is calculated using the weighted average method and accounted for under the perpetual inventory method.

Net realizable value is the estimated selling price in the ordinary course of business less estimated costs of completion and estimated costs necessary to make the sale.

Provision for devaluation of inventories is made for each inventory item whose cost is higher than its net realizable value. Any increase or decrease in the provision for devaluation of inventories to be recognized at the end of the accounting period is recorded in cost of goods sold.

7. Prepaid expenses

Prepaid expenses include actual expenses incurred but related to production and business activities of multiple accounting periods. These prepaid expenses are amortized over the period of prepayment or over the period in which the corresponding economic benefits are generated from such expenses. The Company's prepaid expenses mainly comprise tools and instruments. Tools and instruments put into use are amortized on a straight-line basis over a period not exceeding 3 years.

8. Tangible fixed assets

Tangible fixed assets are stated at historical cost less accumulated depreciation. The historical cost of tangible fixed assets includes all costs incurred by the Company to acquire the fixed asset up to the time the asset is ready for its intended use. Subsequent expenditures are added to the historical cost of the fixed asset only when it is probable that future economic benefits associated with the asset will flow to the Company. All other subsequent expenditures are recognized in production and business expenses for the period.

When tangible fixed assets are sold or disposed of, their historical cost and accumulated depreciation are derecognized, and any resulting gain or loss is recognized in profit or loss for the period.

Tangible fixed assets are depreciated using the straight-line method over their estimated useful lives as follows:

Type of fixed assets	Number of years
Buildings and structures	05 - 50
Machinery and equipment	03 - 07
Means of transport and transmission	06 - 10
Management equipment and tools	04

9. Intangible fixed assets

Intangible fixed assets are stated at historical cost less accumulated depreciation.

The historical cost of intangible fixed assets includes all costs incurred by the Company to acquire the fixed asset up to the time the asset is ready for its intended use. Subsequent expenditures related to intangible fixed assets are recognized as production and business expenses in the period unless such

HVC INVESTMENT AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Address: 8th Floor, Tower C Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu, Ha Dong Ward, Hanoi City

INTERIM FINANCIAL STATEMENTS

For the first 6 months of the financial year ended December 31, 2025

Notes to the Interim Financial Statements (continued)

expenditures are directly attributable to a specific intangible fixed asset and are expected to generate future economic benefits.

When intangible fixed assets are sold or disposed of, their historical cost and accumulated depreciation are derecognized, and any resulting gain or loss is recognized in profit or loss for the period.

The Company's intangible fixed assets consist of project management software, and costs related to this software that are not an integral part of the related hardware are capitalized. The historical cost of the project management software comprises all costs incurred by the Company up to the time the software is ready for use. Computer software is amortized using the straight-line method over 5 years.

10. Investment properties

Investment properties represent the land use rights owned by the Company that are held for the purpose of capital appreciation. Investment properties held for capital appreciation are presented at historical cost less impairment. The historical cost of investment properties includes all costs incurred by the Company or the fair value of consideration given to acquire such properties up to the date of purchase or construction completion.

Subsequent expenditures related to investment properties are recognized as expenses when incurred, unless such expenditures are expected to generate future economic benefits beyond the originally assessed level of performance, in which case they are capitalized as an addition to the historical cost.

When investment properties are disposed of, both the historical cost and accumulated depreciation (if any) are derecognized, and any resulting gain or loss is recognized in profit or loss for the period.

Transfers from owner-occupied properties or inventories to investment properties are made only when the owner ceases to use the asset and begins to lease it out to other parties under an operating lease, or when the construction phase is completed. Transfers from investment properties to owner-occupied properties or inventories are made only when the owner begins to use the property or intends to sell it. Such transfers do not change the historical cost or carrying amount of the properties at the date of transfer.

Investment properties held for capital appreciation are not depreciated. In case there is objective evidence indicating that investment properties held for capital appreciation are impaired compared to market value and such impairment can be reliably measured, the historical cost of these properties shall be reduced, and the impairment loss shall be recognized in cost of goods sold.

11. Construction in progress

Construction in progress reflects direct costs (including interest expenses directly attributable in accordance with the Company's accounting policies) relating to assets under construction or machinery and equipment under installation for production, rental, management purposes, and expenses related to the repair of fixed assets under improvement. These assets are recognized at cost and are not depreciated.

12. Payables and accrued expenses

Payables and accrued expenses are recognized for amounts to be paid in the future in respect of goods and services already received. Accrued expenses are recognized based on reasonable estimates of amounts to be paid.

HVC INVESTMENT AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Address: 8th Floor, Tower C Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu, Ha Dong Ward, Hanoi City

INTERIM FINANCIAL STATEMENTS

For the first 6 months of the financial year ended December 31, 2025

Notes to the Interim Financial Statements (continued)

The classification of payables into trade payables, accrued expenses, and other payables is determined based on the following principles:

- Trade payables reflect commercial payables arising from transactions of purchasing goods, services, assets, with independent suppliers of the Company.
- Accrued expenses reflect payables for goods and services received from suppliers or provided to customers but not yet paid due to lack of invoices or insufficient accounting records and documents, and payables to employees for unused leave and other accrued production and business expenses.
- Other payables reflect non-commercial payables, not arising from transactions of purchasing, selling, or providing goods and services.

Payables and accrued expenses are classified as current or non-current liabilities in the Balance Sheet based on their remaining term as of the end of the accounting period.

13. Provisions

Provisions are recognized when the Company has a present obligation (legal or constructive) as a result of past events, and it is probable that an outflow of economic benefits will be required to settle the obligation, and a reliable estimate of the amount can be made.

Where the effect of time is material, provisions are determined by discounting the expected future cash flows at a pre-tax discount rate that reflects current market assessments of the time value of money and the risks specific to the liability. An increase in provisions due to the passage of time is recognized as a financial expense.

The Company's provisions include provisions for construction warranty costs, which are set up for each type of construction project that is subject to warranty obligations. Specifically, for construction projects where the proportion of goods is less than 75% and the proportion of installation labor and auxiliary materials is 25% or more, the Company establishes a provision for warranty costs based on the warranty rate committed in each contract, but not exceeding 5% of the total contract value.

Any increase or decrease in construction warranty provisions that need to be adjusted at the end of the accounting period is recognized in selling expenses.

14. Owner's equity

Owner's contributed capital

Owner's contributed capital is recognized based on the actual capital contributed by the shareholders.

Share premium

Share premium is recognized as the difference between the issuance price and the par value of shares in the initial or additional issuance, the difference between the reimbursement price and the book value of treasury shares, and the equity component of convertible bonds upon maturity. Direct costs related to the additional issuance of shares and the reissuance of treasury shares are deducted from share premium.

15. Profit distribution

Profit after corporate income tax is distributed to shareholders after appropriations to reserves in accordance with the Company's Charter, legal regulations, and as approved by the General Meeting of Shareholders.

HVC INVESTMENT AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Address: 8th Floor, Tower C Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu, Ha Dong Ward, Hanoi City

INTERIM FINANCIAL STATEMENTS

For the first 6 months of the financial year ended December 31, 2025

Notes to the Interim Financial Statements (continued)

The distribution of profits to shareholders takes into consideration non-monetary items included in undistributed profits after tax, which may affect cash flows and the ability to pay dividends, such as gains from revaluation of assets contributed as capital, revaluation gains on monetary items, financial instruments, and other non-monetary items.

Dividends are recognized as liabilities when approved by the General Meeting of Shareholders.

16. Revenue and income recognition

Revenue from sale of goods

Revenue from sale of goods is recognized when all the following conditions are satisfied:

- The Company has transferred considerably all risks and rewards of ownership of the goods to the buyer.
- The Company no longer retains the right to manage the goods as the owner of the goods or the right to control the goods.
- The amount of revenue can be measured reliably. Where the contract allows the buyer to return the goods under specific conditions, revenue is recognized only when such conditions no longer exist and the buyer is no longer entitled to return the goods (except in cases where the customer has the right to return the goods in exchange for other goods or services).
- It is probable that the economic benefits associated with the transaction will flow to the Company.
- The costs incurred or to be incurred in respect of the transaction can be measured reliably.

Revenue from provision of services

Revenue from provision of services is recognized when all the following conditions are satisfied:

- The amount of revenue can be measured reliably. Where the contract allows the buyer to return the service under specific conditions, revenue is recognized only when such conditions no longer exist and the buyer is no longer entitled to return the provided service.
- It is probable that the economic benefits associated with the transaction will flow to the Company.
- The portion of work completed at the reporting date can be determined.
- The costs incurred for the transaction and the costs to complete the transaction can be measured reliably.

In case services are rendered over multiple periods, revenue is recognized in the period based on the results of the work completed at the end of the accounting period.

Interest

Interest is recognized on the basis of time and the actual interest rate for each period.

17. Construction contracts

A construction contract is an agreement entered into for the construction of an asset or a combination of assets that are closely interrelated or interdependent in terms of their design, technology, function, or their ultimate purpose or use.

When the outcome of a construction contract can be reliably estimated: For construction contracts under which the contractor is entitled to be paid based on the value of work performed, revenue and costs associated with the contract are recognized in proportion to the work completed and certified by the customer, as reflected in the issued invoices.

Increases and decreases in construction volumes, compensation and other revenues are only recognized as revenue when agreed with customers.

HVC INVESTMENT AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Address: 8th Floor, Tower C Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu, Ha Dong Ward, Hanoi City

INTERIM FINANCIAL STATEMENTS

For the first 6 months of the financial year ended December 31, 2025

Notes to the Interim Financial Statements (continued)

When the outcome of a construction contract cannot be reliably estimated:

- Revenue is recognized only to the extent of contract costs incurred that are likely to be recoverable.
- Contract costs are recognized as an expense in the period in which they are incurred.

18. Borrowing costs

Borrowing costs include interest expenses and other costs directly attributable to borrowings. Borrowing costs are recognized as an expense when incurred.

19. Expenses

Expenses are decreases in economic benefits recognized when incurred or when it is probable that they will be incurred in the future, regardless of whether cash payment has been made or not.

Expenses and the related revenues must be recognized simultaneously following the matching principle. In cases where the matching principle conflicts with the prudence principle, expenses are recognized based on the nature of the transaction and in accordance with applicable accounting standards to ensure that transactions are presented fairly and reasonably.

20. Corporate income tax

Corporate income tax expense includes only current income tax, which is determined based on assessable income. Assessable income differs from accounting profit due to adjustments for temporary differences between tax and accounting treatments, non-deductible expenses, non-taxable income, and tax losses carried forward.

21. Related parties

Parties are considered related if one party has the ability to control or exert significant influence over the other party in making financial and operating policy decisions. Parties are also considered related if they are subject to common control or significant common influence.

When assessing related party relationships, the substance of the relationship is emphasized over its legal form.

22. Segment report

A business segment is a distinguishable component engaged in providing products or services that are subject to risks and returns different from those of other business segments.

A geographical segment is a distinguishable component engaged in providing products or services within a particular economic environment and subject to risks and returns different from those operating in other economic environments.

Segment information is prepared and presented in a manner consistent with the accounting policies applied in the preparation and presentation of the Company's Financial Statements.

HVC INVESTMENT AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANYAddress: 8th Floor, Tower C Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu, Ha Dong Ward, Hanoi City**INTERIM FINANCIAL STATEMENTS**

For the first 6 months of the financial year ended December 31, 2025

Notes to the Interim Financial Statements (continued)**V. ADDITIONAL INFORMATION FOR ITEMS PRESENTED IN THE INTERIM BALANCE SHEET****1. Cash and cash equivalents**

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Cash	575,733,903	9,236,059
Demand deposits at banks	1,593,570,858	10,012,485,987
Cash equivalents (<i>Term deposits with maturities of less than 3 months</i>)	17,350,496,909	17,811,578,126
Total	19,519,801,670	27,833,300,172

2. Financial investments**2a. Held-to-maturity investments**

The following held-to-maturity investments are recorded at cost, which equals their carrying amounts:

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Term deposits ⁽ⁱ⁾	2,200,000,000	2,200,000,000
Certificates of deposit ⁽ⁱⁱ⁾	15,098,834,475	23,078,541,524
Total	17,298,834,475	25,278,541,524

(i) Six-month term deposit at Vietnam Technological and Commercial Joint Stock Bank, bearing interest at 4.4% per annum. This deposit is used to secure the issuance of a letter of guarantee for contract performance at Vietnam Technological and Commercial Joint Stock Bank.

(ii) Bao Loc certificates of deposit issued by Vietnam Technological and Commercial Joint Stock Bank, bearing interest at 4.4%.

2b. Investments in subsidiaries and associates

	<u>Ending balance</u>		<u>Beginning balance</u>	
	<u>Cost</u>	<u>Provision</u>	<u>Cost</u>	<u>Provision</u>
Investment in subsidiaries	251,623,710,000	-	230,790,000,000	-
HVC Hung Yen Company Limited	59,400,000,000	-	59,400,000,000	-
HVC Construction General Contractor Joint Stock Company	29,000,000,000	-	27,000,000,000	-
HVC Park Entertainment Equipment Company Limited	28,500,000,000	-	28,500,000,000	-
Lakehill Investment and Tourism Joint Stock Company	10,890,000,000	-	10,890,000,000	-
HVC Investment and Ho Guom Hoa Binh Company Limited	123,833,710,000	-	105,000,000,000	-
Investment in associates	48,420,000,000	-	48,420,000,000	-
Chi Thanh Joint Stock Company	48,420,000,000	-	48,420,000,000	-
Total	300,043,710,000	-	279,210,000,000	-

The number of shares/contributed capital held and the ownership percentage of the Company in the entities are as follows:

<u>Company name</u>	<u>Ending balance</u>		<u>Beginning balance</u>	
	<u>Number of shares/ contributed capital</u>	<u>Ownership percentage</u>	<u>Number of shares/ contributed capital</u>	<u>Ownership percentage</u>
HVC Hung Yen Company Limited	59.4 billion VND	99.00%	59.4 billion VND	99.00%
HVC Construction General Contractor Joint Stock Company	29 billion VND	96.67%	27 billion VND	90.00 %
HVC Park Entertainment Equipment Company Limited	28.5 billion VND	95.00%	28.5 billion VND	95.00%

HVC INVESTMENT AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANYAddress: 8th Floor, Tower C Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu, Ha Dong Ward, Hanoi City**INTERIM FINANCIAL STATEMENTS**

For the first 6 months of the financial year ended December 31, 2025

Notes to the Interim Financial Statements (continued)

Lakehill Investment and Tourism Joint Stock Company	1,089,000 shares	99.00%	1,089,000 shares	99.00%
HVC Investment and Ho Guom Hoa Binh Company Limited	123.8 billion VND	73.35 %	105 billion VND	70.00%
Chi Thanh Joint Stock Company	2,400,000 shares	20.00%	2,400,000 shares	20.00%

Fair value

The Company has not determined the fair value of its investments due to the absence of specific guidelines on fair value determination.

Operations of subsidiaries

- HVC Hung Yen Company Limited, HVC Construction General Contractor Joint Stock Company, and HVC Park Entertainment Equipment Company Limited: These subsidiaries operate under normal business conditions with no significant changes compared to the previous year.
- Other entities are in the investment phase and have not yet commenced production or business activities.

Provision for equity investments in other entities

The Company did not recognize/(reverse) any provision for equity investments in other entities during the period.

Transactions with subsidiaries and associates

See Note VII.1.

3. Short-term trade receivables

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Receivables from related parties	4,361,774,085	1,110,547,945
HVC Park Entertainment Equipment Company Limited	4,361,774,085	-
HVC Investment and Ho Guom Hoa Binh Company Limited	-	1,110,547,945
Receivables from other customers	101,019,459,541	79,884,281,155
Vinhomes Joint Stock Company - Hung Yen Branch	7,554,719,817	21,396,804,442
Cienco5 Land Development Corporation	9,600,000,000	9,600,000,000
CNC Technology Solutions Joint Stock Company	13,201,295,800	-
Cat Hai Construction Limited Company	1,569,206,695	14,063,860,576
Chemical, Equipment and Solutions for Industrial Joint Stock Company	12,160,565,627	-
CNCtech Global Joint Stock Company	14,736,866,453	-
Other customers	42,196,805,149	34,823,616,137
Total	105,381,233,626	80,994,829,100

4. Short-term prepayments to suppliers

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Song Thao Investment Joint Stock Company	52,769,541,250	-
Sun Ha Nam Joint Stock Company	12,494,653,881	-
Cid Vietnam Joint Stock Company	346,000,000	346,000,000
Viettel Construction Joint Stock Corporation	-	537,553,462
Baleine Co.,Ltd	486,275,200	486,275,200
Hikaru Investment and Development Company Limited	304,586,700	304,586,700
Other suppliers	2,746,504,274	1,349,524,999
Total	69,147,561,305	3,023,940,361

HVC INVESTMENT AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANYAddress: 8th Floor, Tower C Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu, Ha Dong Ward, Hanoi City**INTERIM FINANCIAL STATEMENTS**

For the first 6 months of the financial year ended December 31, 2025

Notes to the Interim Financial Statements (continued)**5. Short-term loan receivables**

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
<i>Receivables from related parties</i>	<i>17,704,947,945</i>	<i>28,900,000,000</i>
HVC Investment and Ho Guom Hoa Binh Company Limited ⁽ⁱ⁾	17,704,947,945	28,900,000,000
<i>Receivables from other organizations and individuals</i>	<i>8,106,630,137</i>	<i>8,106,630,137</i>
Mr. Nguyen Viet Thang ⁽ⁱⁱ⁾	8,106,630,137	8,106,630,137
Total	<u>25,811,578,082</u>	<u>37,006,630,137</u>

(i) Loan contracts for subsidiaries with a term of 12 months, bearing interest rates ranging from 7% to 7.554% per annum.

(ii) A loan granted to Mr. Nguyen Viet Thang under the contract dated February 15, 2023. On October 2, 2023, the Company entered into a contract to acquire the 10% of the capital contribution in Song Thao Company Limited from Mr. Nguyen Viet Thang with a transfer value of 11,106,630,137 VND. The outstanding loan will be offset against the transfer amount payable to Mr. Nguyen Viet Thang when the transfer procedure is completed. However, as the transfer procedures have not yet been fully completed, Mr. Nguyen Viet Thang has temporarily repaid a portion of the loan (3,000,000,000 VND) and will settle the remaining balance in full if the transfer procedures are not finalized. The loan has secured assets.

6. Other receivables**6a. Other short-term receivables**

	<u>Ending balance</u>		<u>Beginning balance</u>	
	Value	Provision	Value	Provision
<i>Receivables from related parties</i>	<i>1,061,987,371</i>	-	<i>296,128,768</i>	-
HVC Investment and Ho Guom Hoa Binh Company Limited - Loan interest	1,061,987,371	-	296,128,768	-
<i>Receivables from other organizations and individuals</i>	<i>33,937,408,986</i>	-	<i>25,143,900,619</i>	-
Advances	-	-	8,151,650	-
Deposits and security deposits	13,562,862,045	-	4,624,185,223	-
Novareal Joint Stock Company ⁽ⁱ⁾	20,338,999,164	-	20,338,999,164	-
Accrued interest on deposits	21,547,777	-	172,389,582	-
Other short-term receivables	14,000,000	-	175,000	-
Total	<u>34,999,396,357</u>	-	<u>25,440,029,387</u>	-

(i) Deposit under the agreement dated March 28, 2023, the Company made a deposit to enter into a contract when the Employer of the Project "Housing area of 4.2777 ha, in Thanh My Loi Ward, Thu Duc City" (now Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City) is eligible to sell Real Estate.

6b. Other long-term receivables

This represents long-term deposits and security deposits.

7. Provision for short-term doubtful debts

	<u>Ending balance</u>		<u>Beginning balance</u>	
	Cost	Provision	Cost	Provision
Cienco5 Land Development Corporation	9,600,000,000	(9,600,000,000)	9,600,000,000	(9,600,000,000)
Delta - Valley Binh Thuan Company Limited	8,118,447,924	(4,059,223,962)	8,118,447,924	(4,059,223,962)
My An Tourist Joint Stock Company	750,144,045	(537,675,284)	1,050,144,045	(747,675,284)

HVC INVESTMENT AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANYAddress: 8th Floor, Tower C Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu, Ha Dong Ward, Hanoi City**INTERIM FINANCIAL STATEMENTS**

For the first 6 months of the financial year ended December 31, 2025

Notes to the Interim Financial Statements (continued)

	Ending balance		Beginning balance	
	Cost	Provision	Cost	Provision
Cienco5 Land Development Corporation	9,600,000,000	(9,600,000,000)	9,600,000,000	(9,600,000,000)
Receivables from other organizations and individuals	1,996,115,224	(1,996,115,224)	1,996,115,224	(1,996,115,224)
Total	20,464,707,193	(16,193,014,470)	20,764,707,193	(16,403,014,470)

Movement of provision for doubtful debts:

	Current period	Previous period
Beginning balance	16,403,014,470	13,934,346,550
Provision/(Reversal of allowance)	(210,000,000)	1,007,050,000
Ending balance	16,193,014,470	14,941,396,550

8. Inventories

	Ending balance		Beginning balance	
	Cost	Provision	Cost	Provision
Work in progress	55,136,611,679	-	53,547,310,378	-
Goods	17,356,006,147	-	10,025,056,210	-
Total	72,492,617,826	-	63,572,366,588	-

9. Tangible fixed assets

	Buildings and structures	Machinery and equipment	Means of transport and transmission	Management equipment and tools	Total
Historical cost					
Beginning balance	29,311,291,829	1,268,572,137	4,863,680,673	127,000,000	35,570,544,639
Acquisition during the period	-	-	640,848,000	-	640,848,000
Ending balance	29,311,291,829	1,268,572,137	5,504,528,673	127,000,000	36,211,392,639
<i>Of which:</i>					
Fully depreciated but still in use	2,641,569,411	312,675,200	1,942,491,582	127,000,000	5,023,736,193
Pending disposal	-	-	-	-	-
Depreciation					
Beginning balance	8,259,193,328	632,809,462	2,921,739,557	127,000,000	11,940,742,347
Depreciation for the period	452,953,144	76,794,864	214,681,099	-	744,429,107
Ending balance	8,712,146,472	709,604,326	3,136,420,656	127,000,000	12,685,171,454
Residual value					
Beginning balance	21,052,098,501	635,762,675	1,941,941,116	-	23,629,802,292
Ending balance	20,599,145,357	558,967,811	2,368,108,017	-	23,526,221,185
<i>Of which:</i>					
Temporarily unused	-	-	-	-	-
Pending disposal	-	-	-	-	-

Tangible fixed assets with a carrying amount of 19,780,014,127 VND are pledged as collateral for the Company's bank loans (refer to Note V.17).

HVC INVESTMENT AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANYAddress: 8th Floor, Tower C Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu, Ha Dong Ward, Hanoi City**INTERIM FINANCIAL STATEMENTS**

For the first 6 months of the financial year ended December 31, 2025

Notes to the Interim Financial Statements (continued)**10. Intangible fixed assets**

Is the enterprise management software system.

	<u>Historical cost</u>	<u>Depreciation</u>	<u>Carrying amount</u>
Beginning balance	32,000,000	22,399,986	9,600,014
Depreciation for the period	-	3,199,998	(3,199,998)
Ending balance	32,000,000	25,599,984	6,400,016
Temporarily unused	-	-	-
Pending disposal	-	-	-

11. Investment properties held for appreciation

Is the value of land use rights located in Bach Quang Ward, Thai Nguyen Province.

In accordance with Vietnam Accounting Standard No. 05 "Investment Properties," the fair value of investment properties at the end of the accounting period should be disclosed. However, the Company has not yet determined the fair value of these investment properties due to the absence of necessary conditions to conduct a valuation.

12. Construction in progress

Expenses incurred for the execution of the Project of Garden Villas, Afforestation, and Eco-Tourism located in Mong Hoa Commune, Ky Son District, Hoa Binh Province (now Ky Son Ward, Phu Tho Province).

The People's Committee of Hoa Binh Province (old) issued Decision No. 15/QD-UBND dated May 15, 2024, approving the joint venture between HVC Investment and Technology Joint Stock Company and Ho Guom Group Joint Stock Company as employers of the Project. The project enterprise is HVC Investment and Ho Guom Hoa Binh Company Limited.

	<u>Current period</u>	<u>Previous period</u>
Beginning balance	19,119,854,486	111,640,868,449
Expenses incurred during the period	-	3,793,467,387
Capital contribution to Subsidiary (Ho Guom Hoa Binh)	(18,833,710,000)	-
Ending balance	286,144,486	115,434,335,836

13. Short-term trade payables

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
<i>Payables to related parties</i>	<i>6,446,665,335</i>	-
HVC Hung Yen Company Limited	6,446,665,335	-
<i>Payables to other suppliers</i>	<i>37,641,072,245</i>	<i>36,501,447,873</i>
Bateco Vietnam Joint Stock Company	11,922,113,475	-
Ademax Joint Stock Company	9,036,396,325	5,151,845,600
Yixing Sea Fountain Equipment Co.,Ltd	4,697,245,408	8,142,974,971
Gia Vinh Trading and Investment Company Limited	1,406,542,690	3,441,514,320
Other suppliers	10,578,774,347	19,765,112,982
Total	44,087,737,580	36,501,447,873

HVC INVESTMENT AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANYAddress: 8th Floor, Tower C Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu, Ha Dong Ward, Hanoi City**INTERIM FINANCIAL STATEMENTS**

For the first 6 months of the financial year ended December 31, 2025

Notes to the Interim Financial Statements (continued)**14. Short-term prepayments from customers**

	Ending balance	Beginning balance
SCG Construction Group Joint Stock Company	9,869,383,667	9,869,383,667
Van Phuc Co., Ltd.	7,266,166,287	7,266,166,287
Olympia Civil Construction Limited Liability Company	11,938,253,246	-
Tung Feng Construction Engineering (Vietnam) Co., Ltd	5,590,531,572	17,486,560,585
Other customers	13,751,752,123	6,614,763,608
Total	48,416,086,895	41,236,874,147

15. Taxes and payables to the State budget

	Beginning balance		Accrued during the period		Ending balance
	Payable	Receivable	Amount payable	Amount paid	Payable
VAT on domestic sales	-	41,805,569	801,244,681	-	759,439,112
VAT on imported goods	-	-	461,196,630	(461,196,630)	-
Import tax	-	-	88,714,404	(88,714,404)	-
Corporate income tax	5,799,640,817	-	2,819,028,821	(5,799,640,817)	2,819,028,821
Personal income tax	37,297,449	-	806,492,232	(834,515,993)	9,273,688
Business license fees	-	-	5,000,000	(5,000,000)	-
Total	5,836,938,266	41,805,569	4,981,676,768	(7,189,067,844)	3,587,741,621

Value-added tax

The Company pays value-added tax by deduction method at the rate of 8% and 10%.

Import tax

The Company declares and pays import tax based on notifications issued by the Customs Authority.

Corporate income tax

The Company is subject to corporate income tax on assessable income at a tax rate of 20%

Corporate income tax payable for the period is estimated as follows:

	Accumulated from the beginning of the year to the end of this period	
	Current year	Previous year
Total accounting profit before tax	13,950,182,450	16,902,037,331
Adjustments to increase or decrease accounting profit for the purpose of determining taxable corporate income:	144,961,656	140,592,970
- Increase adjustments	144,961,656	140,592,970
- Decrease adjustments	-	-
Assessable income	14,095,144,106	17,042,630,301
Corporate income tax rate	20%	20%
Corporate income tax payable	2,819,028,821	3,408,526,060

The determination of the Company's corporate income tax payable is based on prevailing tax regulations. However, these regulations are subject to change from time to time, and the interpretation of tax regulations applicable to various transactions may vary. As a result, the tax amounts presented in the Interim Financial Statements may be subject to adjustments upon examination by the tax authorities.

Other taxes

The Company declares and pays according to regulations.

HVC INVESTMENT AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANYAddress: 8th Floor, Tower C Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu, Ha Dong Ward, Hanoi City**INTERIM FINANCIAL STATEMENTS**

For the first 6 months of the financial year ended December 31, 2025

Notes to the Interim Financial Statements (continued)**16. Other short-term payables**

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
<i>Payable to related parties</i>	<i>130,602,739</i>	-
Lakehill Investment and Tourism Joint Stock Company - Interest payable	73,835,616	-
HVC Hung Yen Company Limited - Interest payable	56,767,123	-
<i>Payable to other organizations and individuals</i>	<i>219,456,550</i>	<i>12,193,449,000</i>
Social insurance, health insurance, and unemployment insurance	219,456,550	-
Dividends, profits payable	-	12,193,449,000
Total	350,059,289	12,193,449,000

17. Short-term borrowings

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
<i>Short-term loans from related parties ⁽ⁱ⁾</i>	<i>9,000,000,000</i>	-
Lakehill Investment and Tourism Joint Stock Company	5,000,000,000	-
HVC Hung Yen Company Limited	4,000,000,000	-
<i>Short-term bank loans ⁽ⁱⁱ⁾</i>	<i>84,577,638,823</i>	<i>20,018,546,035</i>
Vietnam Technological and Commercial Joint Stock Bank - Discount Limit Contract	84,577,638,823	20,018,546,035
Total	93,577,638,823	20,018,546,035

The Company is capable of repaying its short-term borrowings.

- (i) Related party borrowings with a maturity of 12 months, bearing an annual interest rate of 7%. The purpose is to finance legitimate and reasonable payment needs in service of the Company's business operations.
- (ii) The borrowing from Vietnam Technological and Commercial Joint Stock Bank under the Credit Line Discounting Contract for Promissory Notes dated February 25, 2025, with a total discount limit of 250,000,000,000 VND. The term of the discount limit is 12 months (from February 25, 2025 to February 25, 2026). The discount interest rate is specifically determined for each discount request and paid by the Company's customers. The discount term is stipulated in each discount request and shall not exceed the remaining maturity of the Promissory Notes, with a maximum of 365 calendar days.

The bank loans are secured by the Company's asset mortgage contracts (see Note V.9).

Details of short-term borrowings incurred during the period are as follows:

	<u>Beginning balance</u>	<u>Borrowings during the period</u>	<u>Repayments during the period</u>	<u>Ending balance</u>
Borrowings from related parties	-	9,000,000,000	-	9,000,000,000
Bank loans	20,018,546,035	88,265,557,923	(23,706,465,135)	84,577,638,823
Total	20,018,546,035	97,265,557,923	(23,706,465,135)	93,577,638,823

18. Short-term provisions

Short-term provisions represent provisions for warranty expenses of construction works. Details of movements are as follows:

	<u>Current period</u>	<u>Previous period</u>
Beginning balance	2,367,424,607	5,516,675,600
Reversal of provision during the period	(427,166,946)	(566,870,119)
Ending balance	1,940,257,661	4,949,805,481

HVC INVESTMENT AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANYAddress: 8th Floor, Tower C Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu, Ha Dong Ward, Hanoi City**INTERIM FINANCIAL STATEMENTS**

For the first 6 months of the financial year ended December 31, 2025

Notes to the Interim Financial Statements (continued)**19. Owner's equity****19a. Reconciliation table of changes in owner's equity**

	Owner's contributed capital	Share premium	Undistributed profit after tax	Total
Beginning balance of previous year	406,448,300,000	(4,390,693,200)	38,487,126,534	440,544,733,334
Profit for previous period	-	-	13,493,511,271	13,493,511,271
Ending balance of previous period	406,448,300,000	(4,390,693,200)	51,980,637,805	454,038,244,605
Beginning balance of current year	406,448,300,000	(4,390,693,200)	48,284,461,126	450,342,067,926
Stock dividend (*)	28,445,040,000	-	(28,445,040,000)	-
Costs of issuing shares for dividend distribution	-	(100,000,000)	-	(100,000,000)
Profit for the current period	-	-	11,131,153,629	11,131,153,629
Ending balance of current period	434,893,340,000	(4,490,693,200)	30,970,574,755	461,373,221,555

(*) In accordance with Resolution No. 01/2025/HVC/NQ-DHDCDTN of the Annual General Meeting of Shareholders 2025 dated April 22, 2025, the Company issued 2,844,504 shares as dividend payment for the year 2024. The Ho Chi Minh City Stock Exchange approved the additional listing of these shares effective from June 12, 2025.

19b. Shares

	Ending balance	Beginning balance
Number of common shares authorized for issuance	43,489,334	40,644,830
Number of common shares issued	43,489,334	40,644,830
Number of common shares outstanding	43,489,334	40,644,830

Par value per share: 10,000 VND.

VI. ADDITIONAL INFORMATION FOR ITEMS PRESENTED IN THE INTERIM INCOME STATEMENT**1. Revenue from sale of goods and provision of services****1a. Total revenue**

	Accumulated from the beginning of the year to the end of this period	
	Current year	Previous year
Revenue from sale of goods	31,133,858,224	16,545,649,718
Revenue from construction and installation services	128,655,400,637	169,432,093,031
Revenue from provision of services	356,000,000	96,000,000
Total	160,145,258,861	186,073,742,749

1b. Revenue from sale of goods and provision of services to related parties

See Note VII.1.

2. Cost of goods sold

	Accumulated from the beginning of the year to the end of this period	
	Current year	Previous year
Cost of goods sold	29,170,786,270	14,029,825,470
Cost of construction and installation services	107,369,814,014	145,578,442,579
Total	136,540,600,284	159,608,268,049

HVC INVESTMENT AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANYAddress: 8th Floor, Tower C Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu, Ha Dong Ward, Hanoi City**INTERIM FINANCIAL STATEMENTS**

For the first 6 months of the financial year ended December 31, 2025

Notes to the Interim Financial Statements (continued)**3. Financial income**

	Accumulated from the beginning of the year to the end of this period	
	Current year	Previous year
Interest on demand deposits	3,811,997	3,714,184
Interest on term deposits	194,582,100	93,927,359
Loan interest	765,858,603	-
Interest on certificate of deposits investments	96,161,894	
Foreign exchange gains	-	229,075,890
Foreign exchange gains from revaluation of monetary items denominated in foreign currencies		225,330,102
Total	1,060,414,594	552,047,535

4. Financial expenses

	Accumulated from the beginning of the year to the end of this period	
	Current year	Previous year
Interest expense	1,019,305,634	156,799,231
Foreign exchange losses	-	38,929,899
Foreign exchange loss from revaluation of monetary items denominated in foreign currency	205,414,271	-
Total	1,224,719,905	195,729,130

5. Selling expenses

	Accumulated from the beginning of the year to the end of this period	
	Current year	Previous year
Reversal of provision for construction warranty	(427,166,946)	(566,870,119)
Outsourced service expenses	149,181,612	98,383,750
Other expenses	101,980,900	13,460,000
Total	(176,004,434)	(455,026,369)

6. General and administrative expenses

	Accumulated from the beginning of the year to the end of this period	
	Current year	Previous year
Employee expenses	7,515,983,260	6,353,391,666
Office supplies	115,359,405	102,154,336
Depreciation of fixed assets	593,925,401	756,978,126
Taxes, fees and charges	5,000,000	6,000,000
Provision/(Reversal of provision) for doubtful debts	(210,000,000)	1,007,050,000
Outsourced service expenses	1,048,878,275	691,286,625
Other expenses	952,341,418	1,374,066,630
Total	10,021,487,759	10,290,927,383

7. Earnings per share

Information on earnings per share is presented in the Interim Consolidated Financial Statements.

HVC INVESTMENT AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANYAddress: 8th Floor, Tower C Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu, Ha Dong Ward, Hanoi City**INTERIM FINANCIAL STATEMENTS**

For the first 6 months of the financial year ended December 31, 2025

Notes to the Interim Financial Statements (continued)**8. Production and business expenses by element**

	Accumulated from the beginning of the year to the end of this period	
	Current year	Previous year
Raw materials and supplies	101,547,727,822	101,704,909,585
Labor costs	15,162,113,925	17,407,265,721
Depreciation of fixed assets	747,629,105	910,681,830
Outsourced service expenses	4,344,888,574	7,211,495,472
Other expenses	436,782,720	3,739,047,615
Total	122,239,142,146	130,973,400,223

VII. ADDITIONAL INFORMATION FOR ITEMS PRESENTED IN THE INTERIM CASH FLOW STATEMENT**Non-cash transactions**

	Accumulated from the beginning of the year to the end of this period	
	Current year	Previous year
Capital contribution to subsidiaries by assets	18,833,710,000	-

VIII. OTHER INFORMATION**1. Transactions and balances with related parties**

Related parties of the Company include key management personnel, individuals related to key management personnel, and other related parties.

1a. Transactions and balances with key management personnel and individuals related to key management personnel

Key management personnel include members of the Board of Directors, the Supervisory Board, and the Executive Board (including the General Director and Chief Accountant). Individuals related to key management personnel are close family members of such key management personnel.

Transactions and debts with key management personnel and individuals related to key management personnel

The Company did not incur any sales, service provision transactions, or outstanding balances with key management personnel and their related parties. Other transaction during the period was only the purchase of a car from Mr. Do Huy Cuong for an amount of 640,848,000 VND (no such transaction was incurred in the same period of the prior year).

Guarantee commitments

A member of the Executive Board used the land use rights owned by him to secure the Company's loans to Mr. Nguyen Viet Thang (see Note V.5)

Remuneration of key management personnel

		Salary	Remuneration of the previous year	Total income
Current period				
Mr. Tran Huu Dong	Chairman of the BOD	-	90,000,000	90,000,000
Mr. Do Huy Cuong	Vice Chairman of the BOD	279,550,000	45,000,000	324,550,000
Mr. Le Van Cuong	Member of the BOD/ General Director	279,550,000	45,000,000	324,550,000
Mr. Truong Thanh Tung	Member of the BOD/ Deputy General Director	289,860,000	45,000,000	334,860,000
Mr. Dao Thanh Son	Independent Member of the	-	45,000,000	45,000,000

HVC INVESTMENT AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANYAddress: 8th Floor, Tower C Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu, Ha Dong Ward, Hanoi City**INTERIM FINANCIAL STATEMENTS**

For the first 6 months of the financial year ended December 31, 2025

Notes to the Interim Financial Statements (continued)

		Salary	Remuneration of the previous year	Total income
	BOD			
Ms. Vu Thi Nga	Deputy General Director	289,860,000	-	289,860,000
Mr. Nguyen Xuan Truong	Deputy General Director	237,856,700	-	237,856,700
Ms. Dao Thi Dung	Head of the Supervisory Board	-	45,000,000	45,000,000
Ms. Ha Thi Linh	Member of the Supervisory Board	-	22,500,000	22,500,000
Ms. Nguyen Thi Thuy Lan	Member of the Supervisory Board	-	22,500,000	22,500,000
Ms. Cao Hai Ngoc	Chief Accountant	154,160,975	-	154,160,975
Total		1,530,837,675	360,000,000	1,890,837,675
Previous period				
Mr. Tran Huu Dong	Chairman of the BOD	-	-	-
Mr. Do Huy Cuong	Vice Chairman of the BOD	236,575,000	-	236,575,000
Mr. Dao Thanh Son	Independent Member of the BOD	-	-	-
Mr. Le Van Cuong	Member of the BOD/ General Director	236,575,000	-	236,575,000
Mr. Truong Thanh Tung	Member of the BOD/ Deputy General Director	222,432,500	-	222,432,500
Ms. Vu Thi Nga	Deputy General Director	224,943,047	-	224,943,047
Mr. Nguyen Xuan Truong	Deputy General Director	228,023,330	-	228,023,330
Ms. Dao Thi Dung	Head of the Supervisory Board	-	-	-
Ms. Ha Thi Linh	Member of the Supervisory Board	-	-	-
Ms. Nguyen Thi Thuy Lan	Member of the Supervisory Board	-	-	-
Ms. Cao Hai Ngoc	Chief Accountant	138,464,858	-	138,464,858
Total		1,287,013,735	-	1,287,013,735

1b. Transactions and balances with other related parties

Other related parties of the Company include:

Related party	Relationship
HVC Hung Yen Company Limited	Subsidiary
HVC Construction General Contractor Joint Stock Company	Subsidiary
HVC Park Entertainment Equipment Company Limited	Subsidiary
Lakehill Investment and Tourism Joint Stock Company	Subsidiary
HVC Investment and Ho Guom Hoa.Binh Company Limited	Subsidiary
Chi Thanh Joint Stock Company	Associate

Transactions with other related parties

The Company entered into transactions with other related parties as follows:

	Accumulated from the beginning of the year to the end of this period	
	Current year	Previous year
HVC Hung Yen Company Limited		
Revenue from sale of goods	-	290,000,000
Purchases of materials, goods, and services	5,722,001,060	8,103,716,700
Warehouse rental expenses paid to subsidiary	120,000,000	120,000,000
Borrowing from subsidiary	4,000,000,000	-
Interest expenses	56,767,123	-

HVC INVESTMENT AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANYAddress: 8th Floor, Tower C Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu, Ha Dong Ward, Hanoi City**INTERIM FINANCIAL STATEMENTS**

For the first 6 months of the financial year ended December 31, 2025

Notes to the Interim Financial Statements (continued)

	Accumulated from the beginning of the year to the end of this period	
	Current year	Previous year
<i>HVC Construction General Contractor Joint Stock Company</i>		
Revenue from sale of goods	-	15,625,000
Office rental income	36,000,000	36,000,000
Machinery rental income	200,000,000	-
Loan from subsidiary with one-month term	-	18,000,000,000
<i>HVC Park Entertainment Equipment Company Limited</i>		
Revenue from sale of goods	6,646,779,766	8,840,120,753
Office rental income	120,000,000	120,000,000
<i>Lakehill Investment and Tourism Joint Stock Company</i>		
Borrowing from subsidiary	5,000,000,000	-
Interest expenses	73,835,616	-
<i>HVC Investment and Ho Guom Hoa Binh Company Limited</i>		
Capital contribution in cash	-	25,000,000,000
Capital contribution in assets	18,833,710,000	-
Loan to subsidiary	2,000,000,000	-
Interest expenses	765,858,603	-

The prices of goods and services provided to other related parties are at market prices. Purchases of goods and services from other related parties are conducted based on agreed-upon prices

Debts with other related parties

Debts with other related parties are presented in Notes V.3, V.5, V.6, V.13, V.16 and V.17

Other receivables from related parties are unsecured and will be settled in cash. No provision for doubtful debts is made for the receivables from other related parties.

2. Segment information

The Company's principal business activities are the provision and installation of high-end amusement and recreational equipment, which are carried out within the territory of Vietnam. Therefore, the Company's risks and returns are not significantly affected by differences in the goods/services it provides or by operating in different geographical areas. Accordingly, the Board of General Directors has determined that the Company has only one business segment and one geographical segment. As such, the Company is not required to present segment reports by business line or by geographical area.

3. Subsequent events after the end of the accounting period

There were no significant events occurring after the end of the accounting period that require adjustments to the figures or disclosures in the Interim Financial Statements.

Prepared by
(Signed and full name)

Chief Accountant
(Signed and full name)

Prepared on August 22, 2025
General Director
(Signed and Sealed)

HVC INVESTMENT AND
TECHNOLOGY JOINT STOCK
COMPANY
Enterprise code: 0104606490

Nguyen Thi Bich Thuan

Cao Hai Ngoc

Le Van Cuong